

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống
hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Bộ Giao thông vận tải**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 – 2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, các Cục trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KSTTHC (03).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Danh Huy

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GTVT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày tháng năm 2023)

PHẦN I. DANH MỤC TTHC

1. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan giải quyết	Văn bản quy định
I – Lĩnh vực Đường thủy nội địa			
1	Quyết định chuyển đổi luồng địa phương, luồng chuyên dùng thành luồng quốc gia và luồng quốc gia thành luồng địa phương	Bộ GTVT	Nghị định 08/2021/NĐ-CP
2	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa quốc gia vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh	Bộ GTVT	Nghị định 08/2021/NĐ-CP
3	Công bố đóng cảng thủy nội địa vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh	Bộ GTVT, Cục Đường thủy nội địa VN	Nghị định 08/2021/NĐ-CP
4	Công bố đóng khu neo đậu vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh	Cục Đường thủy nội địa VN	Nghị định 08/2021/NĐ-CP
II – Lĩnh vực Hàng hải			
5	Đánh giá phân loại cảng biển	Thủ tướng Chính phủ	Nghị định 76/2021/NĐ-CP
III – Lĩnh vực Hàng không			
6	Trình, phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không sân bay toàn quốc	Thủ tướng Chính phủ	Nghị định 05/2021/NĐ-CP
IV – Lĩnh vực Đường sắt			
7	Tháo dỡ tuyến, đoạn tuyến, ga đường sắt quốc gia	Thủ tướng Chính phủ	Nghị định 56/2018/NĐ-CP



8	Thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ giá thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ an sinh	Thủ tướng Chính phủ, Bộ GTVT, Bộ Tài chính	Nghị định 65/2018/NĐ-CP, Thông tư 49/2019/TT-BGTVT
9	Đặt tên, đổi tên tuyến, tên ga đường sắt quốc gia	Bộ GTVT	Nghị định 56/2018/NĐ-CP
10	Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ đặc biệt	Bộ GTVT	Nghị định 65/2018/NĐ-CP
11	Giao kế hoạch thực hiện nhiệm vụ an sinh xã hội	Bộ GTVT	Nghị định 65/2018/NĐ-CP
12	Phê duyệt phương án giá dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt	Bộ GTVT	Thông tư 24/2018/TT-BGTVT, Thông tư 11/2019/TT-BGTVT
V- Lĩnh vực Đăng kiểm			
13	Đề nghị kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu đăng kiểm phương tiện	Cục ĐKVN	Thông tư 28/2022/TT-BGTVT
VI – Lĩnh vực Đường bộ			
14	Cấp tài khoản khai thác, sử dụng dữ liệu hình ảnh từ camera lắp trên xe ô tô	Cục ĐBVN	Thông tư 12/2020/TT-BGTVT
15	Công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ và tình trạng kỹ thuật đường ngang	Cục ĐBVN, Cục ĐSVN	Nghị định 56/2022/NĐ-CP, Thông tư 46/2015/TT-BGTVT
16	Công bố quyết định tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với hệ thống quốc lộ, đường bộ cao tốc	Cục ĐBVN	Thông tư 03/2019/TT-BGTVT, Thông tư 43/2021/TT-BGTVT
17	Công bố quyết định kết thúc tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với hệ thống quốc lộ và đường bộ cao tốc	Cục ĐBVN	Thông tư 03/2019/TT-BGTVT, Thông tư 43/2021/TT-BGTVT
18	Công bố quyết định Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp đối với hệ thống	Cục ĐBVN	Thông tư 03/2019/TT-BGTVT,

	quốc lộ và đường bộ cao tốc thuộc trách nhiệm quản lý, bảo trì của Bộ Giao thông vận tải		Thông tư 43/2021/TT-BGTVT
VII- Lĩnh vực Khác			
19	Phê duyệt quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước, quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn, quy hoạch tuyến đường sắt, ga đường sắt	Thủ tướng Chính phủ	Nghị định 56/2019/NĐ-CP

2. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ trong Bộ Giao thông vận tải

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan giải quyết	Văn bản quy định
I – Lĩnh vực Đường thủy nội địa			
1	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa quốc gia không còn nhu cầu khai thác, sử dụng	Bộ GTVT	Nghị định 08/2021/NĐ-CP
2	Công bố mở luồng đường thủy nội địa quốc gia	Cục ĐTNĐVN, Bộ GTVT	Nghị định 08/2021/NĐ-CP
II – Lĩnh vực Hàng hải			
3	Lập và công bố danh mục khu vực nạo vét	Bộ GTVT	Thông tư 35/2019/TT-BGTVT
4	Công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải	Bộ GTVT	Nghị định 58/2017/NĐ-CP
5	Công bố Danh mục bến cảng thuộc các cảng biển Việt Nam	Bộ GTVT	Nghị định 58/2017/NĐ-CP
6	Công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam	Bộ GTVT	Nghị định 16/2018/NĐ-CP
7	Đăng ký sử dụng, cung cấp thông tin LRIT	Cục HHVN	Quyết định 62/2014/QĐ-TTg
III – Lĩnh vực Hàng không			
8	Trình, phê duyệt quy hoạch Cảng hàng không, sân bay	Bộ GTVT	Nghị định 05/2021/NĐ-CP
9	Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch cục bộ Cảng hàng không, sân bay	Bộ GTVT	Nghị định 05/2021/NĐ-CP
IV – Lĩnh vực Đường sắt			
10	Thành lập Hội đồng phân tích sự cố, tai nạn giao thông đường sắt đặc biệt	Bộ GTVT	Thông tư 23/2018/TT-BGTVT

	nghiêm trọng có liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực		
11	Tổ chức cảnh giới tại các đường ngang nguy hiểm trên đường sắt quốc gia	Bộ GTVT	Thông tư 25/2018/TT-BGTVT
12	Xử lý đối với công trình đường sắt có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng	Bộ GTVT	Thông tư 03/2021/TT-BGTVT
13	Xử lý đối với công trình đường sắt hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp	Bộ GTVT	Thông tư 03/2021/TT-BGTVT
14	Xử lý trường hợp số liệu quan trắc vượt quá giá trị cho phép hoặc có dấu hiệu bất thường	Bộ GTVT	Thông tư 03/2021/TT-BGTVT
15	Phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường sắt quốc gia	Bộ GTVT	Thông tư 03/2021/TT-BGTVT
16	Điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường sắt quốc gia	Bộ GTVT	Thông tư 03/2021/TT-BGTVT
17	Phê duyệt phương án giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công trong công tác bảo trì công trình, thiết bị đường sắt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Bộ GTVT	Thông tư 03/2021/TT-BGTVT
18	Thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ giá thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt	Bộ GTVT	Nghị định 65/2018/NĐ-CP, Thông tư 49/2019/TT-BGTVT
V – Lĩnh vực Đăng kiểm			
19	Phê duyệt kế hoạch xây mới hoặc sửa chữa công trình	Cục ĐKVN	Quyết định 1225/QĐ-ĐKVN ngày 16/9/2020 của Cục trưởng Cục ĐKVN
20	Công nhận đăng kiểm viên tàu biển, công trình biển thực hiện công tác kiểm tra	Cục ĐKVN	Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT,

			Quyết định 1620/QĐ-ĐKVN ngày 12/12/2018 của Cục trưởng Cục ĐKVN
21	Công nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa thực hiện công tác kiểm tra	Cục ĐKVN	Thông tư 49/2015/TT-BGTVT, Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT
22	Công nhận đăng kiểm viên đường sắt và đăng kiểm viên đường sắt bậc cao	Cục ĐKVN	Thông tư 19/2018/TT-BGTVT
VI- Lĩnh vực Đường bộ			
23	Chấp thuận phương án giá vận hành khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ	Bộ GTVT	Thông tư 39/2020/TT-BGTVT
24	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trên đường cao tốc	Bộ GTVT	Nghị định 32/2014/NĐ-CP, Thông tư 90/2014/TT-BGTVT, Thông tư 45/2018/TT-BGTVT
25	Ban hành khung giá thu dịch vụ sử dụng phà	Bộ GTVT	Thông tư 31/2020/TT-BGTVT, Thông tư 37/2022/TT-BGTVT
26	Lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng ngân sách trung ương	Cục ĐBVN	Thông tư 37/2018/TT-BGTVT, Thông tư 41/2021/TT-BGTVT
27	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1	Cục ĐBVN	Thông tư 03/2019/TT-BGTVT, Thông tư 41/2021/TT-BGTVT

28	Quyết định áp dụng phương thức đấu thầu, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công vận hành khai thác bến phà đường bộ	Cục ĐBVN	Thông tư 40/2020/TT-BGTVT
VII – Lĩnh vực Khác			
29	Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp tại Bộ Giao thông vận tải	Bộ GTVT	Thông tư 07/2021/TT-BGTVT

3. Danh mục thủ tục hành chính trọng tâm ưu tiên theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết
1	Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia và tài sản hình thành từ dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư	Đường bộ	Thủ tướng Chính phủ
2	Phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Đường bộ	Thủ tướng Chính phủ, Bộ GTVT, UBND cấp tỉnh
3	Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Đường bộ	Thủ tướng Chính phủ, Bộ GTVT, UBND cấp tỉnh
4	Phê duyệt Đề án Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Đường bộ	Thủ tướng Chính phủ, Bộ GTVT, UBND cấp tỉnh
5	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp tự nguyện trả lại tài sản.	Đường bộ	Thủ tướng Chính phủ, Bộ GTVT, UBND cấp tỉnh
6	Bán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Đường bộ	Thủ tướng Chính phủ, Bộ GTVT, UBND cấp tỉnh
7	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Đường bộ	Thủ tướng Chính phủ, Bộ GTVT, UBND cấp tỉnh
8	Quyết định phân loại và điều chỉnh các hệ thống đường bộ: quốc lộ; đường tỉnh, đường đô thị; đường huyện, đường xã; đường chuyên dùng	Đường bộ	Bộ GTVT
9	Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc trung ương	Đường bộ	Bộ GTVT

	quản lý không thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ		
10	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Đường bộ	Bộ GTVT, Bộ Tài chính, UBND cấp tỉnh
11	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Đường bộ	Bộ GTVT, UBND cấp tỉnh
12	Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc địa phương quản lý không thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ	Đường bộ	UBND cấp tỉnh

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước

I. Lĩnh vực đường thủy nội địa

1. Quyết định chuyển đổi luồng địa phương, luồng chuyên dùng thành luồng quốc gia và luồng quốc gia thành luồng địa phương

- Trình tự thực hiện: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam chủ trì phối hợp với Sở Giao thông vận tải lập hồ sơ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Giao thông vận tải. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản gửi Bộ Giao thông vận tải. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố chuyển đổi luồng.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị gửi kèm theo báo cáo hiện trạng luồng đề nghị chuyển đổi của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với luồng quốc gia), của Sở Giao thông vận tải (đối với luồng địa phương);

+ Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp chuyển đổi luồng địa phương thành luồng quốc gia hoặc luồng quốc gia thành luồng địa phương).

+ Số lượng hồ sơ: không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố chuyển đổi luồng.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở GTVT, UBND cấp tỉnh.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố chuyển đổi luồng.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

+ Phù hợp với quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được phê duyệt;

+ Đáp ứng điều kiện của luồng theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

2. Công bố đóng luồng đường thủy nội địa quốc gia vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Trình tự thực hiện:

+ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đề nghị đóng luồng phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do đóng luồng, thời điểm đóng luồng gửi Cục Đường thủy nội địa Việt Nam. Thời gian thông báo trước thời điểm yêu cầu đóng luồng ít nhất 30 ngày. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải.

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố đóng luồng theo phạm vi quản lý.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an yêu cầu đóng luồng.

+ Số lượng hồ sơ: không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố đóng luồng theo phạm vi quản lý.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố đóng luồng.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

3. Công bố đóng cảng thủy nội địa vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Trình tự thực hiện:

- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an yêu cầu đóng cảng, bến thủy nội địa vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh phải thông báo đến người quản lý khai thác cảng, bến trước thời điểm dự kiến đóng cảng, bến thủy nội địa ít nhất 60 ngày. Trong thông báo phải ghi rõ lý do đóng cảng, bến thủy nội địa. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, người quản lý, khai thác cảng, bến có quyền kiến nghị, thỏa thuận về việc đóng cảng, bến thủy nội địa với cơ quan ra thông báo;

- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an gửi văn bản, đơn đề nghị đóng cảng, bến thủy nội địa đến Bộ Giao thông vận tải (đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài); Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia); Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản, đơn đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố đóng cảng, bến thủy nội địa

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

+ Số lượng hồ sơ: không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam ban hành quyết định công bố đóng khu neo đậu.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Bộ GTVT.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố đóng cảng thủy nội địa.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

4. Công bố đóng khu neo đậu vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Trình tự thực hiện:

+ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thông báo đến chủ đầu tư trước thời điểm dự kiến đóng khu neo đậu ít nhất 60 ngày. Trong thông báo phải ghi rõ lý do đóng khu neo đậu. Nếu không có kiến nghị về việc đóng khu neo đậu của chủ đầu tư, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an gửi văn bản đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam ban hành quyết định công bố đóng khu neo đậu trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, khu neo đậu có vùng nước vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

+ Số lượng hồ sơ: không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam ban hành quyết định công bố đóng khu neo đậu .

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố đóng khu neo đậu.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

II. Lĩnh vực Hàng hải

5. Đánh giá, phân loại cảng biển

- Trình tự thực hiện:

+ Cục Hàng hải Việt Nam định kỳ 05 năm một lần vào tháng 01 của năm đầu tiên hoặc căn cứ tình hình phát triển thực tế tại cảng biển lập danh mục cảng biển, đánh giá, phân loại cảng biển trình Bộ Giao thông vận tải.

+ Bộ Giao thông vận tải trên cơ sở báo cáo của Cục Hàng hải Việt Nam, lấy ý kiến các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ quan có liên quan, tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định xếp loại cảng biển và công bố danh mục cảng biển.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Hồ sơ Cục HHVN trình Bộ gồm: Tờ trình đề nghị xếp loại cảng biển và công bố danh mục cảng biển; Dự thảo Quyết định công bố danh mục cảng biển; Các tài liệu liên quan.

+ Hồ sơ Bộ GTVT trình TTCP gồm: Tờ trình Thủ tướng Chính phủ xếp loại cảng biển và công bố danh mục cảng biển; Báo cáo thẩm định của Bộ Giao thông vận tải; Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ công bố danh mục cảng biển; Các tài liệu liên quan.

+ Số lượng hồ sơ: không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ GTVT.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: TTCP.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ công bố danh mục cảng biển;

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 76/2021/NĐ-CP ngày 28/7/2021 của Chính phủ quy định tiêu chí phân loại cảng biển.

III. Lĩnh vực hàng không

6. Thủ tục Trình, phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không sân bay toàn quốc

- Trình tự thực hiện:

+ Cục Hàng không Việt Nam tiến hành lập quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay, trình cơ quan tổ chức lập quy hoạch. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

+ Bộ GTVT chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

+ Cục HKVN lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; xây dựng quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 19 của Luật Quy hoạch;

+ Cục HKVN tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;

+ Cục HKVN hoàn thiện quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch báo cáo Bộ trưởng xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay;

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay;

+ Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay;

+ Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến Hội đồng thẩm định (nếu có) về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay;

+ Báo cáo thuyết minh nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay đã được chỉnh lý, hoàn thiện;

+ Tài liệu khác (nếu có).

+ Số lượng hồ sơ: Không quy định cụ thể

- Thời hạn giải quyết: Không quy định cụ thể

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ GTVT, Cục HKVN.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống CHKS toàn quốc

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Luật Quy hoạch 21/2017/QH14.

IV. Lĩnh vực Đường sắt

7. Tháo dỡ tuyến, đoạn tuyến, ga đường sắt quốc gia

- Trình tự thực hiện: Bộ Giao thông vận tải tổ chức lập hồ sơ đề nghị tháo dỡ tuyến, đoạn tuyến, ga đường sắt quốc gia, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; chủ trì tổ chức tháo dỡ tuyến, đoạn tuyến, ga đường sắt quốc gia sau khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Cách thức thực hiện: Không quy định

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị tháo dỡ tuyến, đoạn tuyến, ga đường sắt quốc gia theo mẫu;

+ 01 bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến dự án tháo dỡ tuyến, đoạn tuyến, ga đường sắt quốc gia;

+ Ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có tuyến, đoạn tuyến, ga đường sắt quốc gia đề nghị tháo dỡ;

+ Ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan đến tuyến, đoạn tuyến, ga đường sắt quốc gia đề nghị tháo dỡ;

+ 01 bộ Quy hoạch tuyến, ga đường sắt đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có liên quan đến tuyến, đoạn tuyến, ga đường sắt quốc gia đề nghị tháo dỡ.

+ Số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ GTVT.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định tháo dỡ tuyến, đoạn tuyến, ga đường sắt quốc gia.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Công văn đề nghị được tháo dỡ tuyến (đoạn tuyến, ga) đường sắt quốc gia.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Tuyến, đoạn tuyến, ga đường sắt được xem xét tháo dỡ trong các trường hợp sau:

+ Hoạt động của tuyến, đoạn tuyến, ga đường sắt ảnh hưởng đến bí mật quốc phòng, an ninh, chủ quyền, lợi ích quốc gia.

+ Tuyến, đoạn tuyến, ga đường sắt không còn phù hợp với quy hoạch tuyến, ga đường sắt đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định 56/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt.

Mẫu:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....
 V/v.....

Hà Nội, ngày tháng ... năm 20...

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số /2018/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt;

Căn cứ Quy hoạch do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt....

Bộ Giao thông vận tải đề nghị được tháo dỡ tuyến (đoạn tuyến, ga) đường sắt quốc gia như sau:

1. Các căn cứ pháp lý (1).
2. Sự cần thiết phải tháo dỡ tuyến (đoạn tuyến, ga) đường sắt quốc gia (2).
3. Quy mô đề nghị tháo dỡ tuyến (đoạn tuyến, ga) đường sắt quốc gia:
 - Phạm vi tháo dỡ (3).
 - Chiều dài tuyến (đoạn tuyến, ga) đường sắt cần tháo dỡ (4).
 - Thời điểm tháo dỡ (5).
4. Phương án sử dụng đất dành cho đường sắt sau khi tháo dỡ
 - Tổng diện tích đất đã dành cho đường sắt của tuyến (đoạn tuyến, ga) đường sắt đề nghị tháo dỡ (hecta).
 - Diện tích đất dùng vào các mục đích của địa phương (6).
5. Tác động kinh tế - xã hội khi tháo dỡ tuyến (đoạn tuyến, ga) đường sắt quốc gia (7).
6. Đề xuất, kiến nghị của Bộ Giao thông vận tải (8).
7. Tài liệu kèm theo văn bản đề nghị tháo dỡ (9).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các bộ, ngành liên quan;
-

Ghi chú:

- (1) Nêu rõ các căn cứ pháp lý liên quan đến việc đề nghị tháo dỡ tuyến (đoạn tuyến, ga) đường sắt quốc gia.
- (2) Nêu rõ đầy đủ nội dung sự cần thiết phải tháo dỡ tuyến (đoạn tuyến, ga) đường sắt quốc gia.

- (3) Nêu rõ tên quận (huyện), xã (phường) mà tuyến (đoạn tuyến, ga) đường sắt quốc gia đi qua được đề nghị tháo dỡ.
- (4) Nêu rõ lý trình điểm đầu, điểm cuối của tuyến (đoạn tuyến, ga) đường sắt quốc gia cần tháo dỡ.
- (5) Ghi rõ thời gian bắt đầu và kết thúc việc tháo dỡ tuyến (đoạn tuyến, ga) đường sắt quốc gia.
- (6) Phân tích và nêu cụ thể diện tích và mục đích sử dụng đất của địa phương sau khi tháo dỡ tuyến (đoạn tuyến, ga) đường sắt quốc gia.
- (7) Nêu đầy đủ tác động tích cực, tiêu cực ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội địa phương khi tháo dỡ tuyến (đoạn tuyến, ga) đường sắt quốc gia và đề nghị biện pháp khắc phục.
- (8) Đề xuất, kiến nghị của Bộ Giao thông vận tải đối với từng bộ, ngành, địa phương cụ thể.
- (9) Hồ sơ, tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 56/2018/NĐ-CP.

8. Thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ giá thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ an sinh xã hội

- Trình tự thực hiện:

+ Cục Đường sắt Việt Nam tổ chức kiểm tra xét duyệt quyết toán chi phí thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ an sinh xã hội và báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả xét duyệt trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Sau khi nhận được báo cáo kết quả xét duyệt quyết toán của Cục Đường sắt Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải thẩm định báo cáo quyết toán các khoản kinh phí thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ an sinh xã hội của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt và có văn bản gửi Bộ Tài chính để Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước khi Bộ GTVT quyết định chi hỗ trợ cho doanh nghiệp.

+ Căn cứ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính thông báo cho Bộ Giao thông vận tải về quyết định chi hỗ trợ giá cho doanh nghiệp.

- Cách thức thực hiện: trực tiếp qua đường công văn hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Quyết định giao kế hoạch thực hiện nhiệm vụ an sinh xã hội của Bộ Giao thông vận tải;

+ Báo cáo quyết toán chi phí thực hiện do doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt lập.

+ Tài liệu kèm theo hồ sơ quyết toán: Thuyết minh hồ sơ quyết toán; Biểu tổng hợp quyết toán hỗ trợ giá theo từng chuyến tàu; Biểu tổng hợp quyết toán doanh thu; Biểu tổng hợp quyết toán chi phí theo từng chuyến tàu; Bản sao các chứng từ, tài liệu liên quan.

+ Báo cáo thẩm định của Cục Đường sắt Việt Nam.

+ Số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục ĐSVN.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT, Bộ Tài Chính, Thủ tướng Chính phủ.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định chi hỗ trợ giá.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Bộ Tài chính thông báo kết quả thẩm định trên cơ sở chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ cho Bộ Giao thông vận tải để ban hành quyết định chi hỗ trợ giá cho doanh nghiệp.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt.

+ Thông tư số 49/2019/TT-BGTVT ngày 17/12/2019 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn quy trình, hồ sơ thanh quyết toán, thủ tục hỗ trợ giá cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt, nhiệm vụ an sinh xã hội.

9. Đặt tên, đổi tên tuyến, tên ga đường sắt quốc gia

- Trình tự thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tuyến đường sắt đi gửi văn bản tới Bộ Giao thông vận tải quyết định đặt tên, đổi tên tuyến, tên ga đường sắt quốc gia.

- Cách thức thực hiện: Không quy định

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tuyến đường sắt đi qua.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định đặt tên, đổi tên tuyến, tên ga đường sắt

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

+ Các tuyến, ga đường sắt hiện hữu được giữ nguyên tên như hiện nay;

+ Trường hợp thay đổi tên tuyến, tên ga đường sắt hiện hữu, phải đặt tên theo quy định của Nghị định này trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đường sắt đi qua;

+ Tên tuyến đường sắt được đặt theo tên điểm đầu và điểm cuối của tuyến hoặc đặt tên theo số thứ tự hoặc ký tự liên tục. Điểm đầu, điểm cuối là tên của địa danh nơi có ga đầu, ga cuối của tuyến;

+ Trường hợp tuyến đường sắt nhánh có kết nối với tuyến đường sắt chính, điểm đầu của tuyến đường sắt nhánh này được tính tại vị trí kết nối với tuyến đường sắt chính;

+ Tên ga được đặt theo địa danh, tên các danh nhân lịch sử, anh hùng dân tộc, tên di tích lịch sử - văn hóa tại vị trí đặt ga, theo số thứ tự hoặc ký tự;

+ Tên ga trên một tuyến không được trùng nhau, phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc, thuần phong mỹ tục của địa phương nơi đặt ga và đất nước.

+ Tên tuyến, tên ga đường sắt phải được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quy định tại Điều 5 của Nghị định này chịu trách nhiệm công bố tên tuyến, tên ga đường sắt theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định 56/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt.

10. Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ đặc biệt

- Trình tự thực hiện: Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an đề nghị bằng văn bản gửi Bộ Giao thông vận tải về việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; Bộ trưởng Bộ Y tế đề nghị Bộ Giao thông vận tải về việc thực hiện nhiệm vụ phòng chống, khắc phục hậu quả dịch bệnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác đề nghị bằng văn bản gửi Bộ Giao thông vận tải thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt khác.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Công văn đề nghị hỗ trợ.

+ Số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Y tế, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công văn yêu cầu lập phương án tổ chức thực hiện và dự trù kinh phí đối với thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ hướng dẫn Luật Đường sắt.

11. Giao kế hoạch thực hiện nhiệm vụ an sinh xã hội

- Trình tự thực hiện: Trên cơ sở kế hoạch dự kiến của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có đường sắt đi qua có ý kiến bằng văn bản gửi về Bộ Giao thông vận tải trước ngày 15 tháng 11 hằng năm để tổng hợp. Bộ Giao thông vận tải chủ trì thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch chạy tàu an sinh xã hội cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt xong trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Kế hoạch dự kiến của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt (bản chính);

+ Ý kiến của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có đường sắt đi qua (bản chính).

+ Số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Bộ Giao thông vận tải chủ trì thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch chạy tàu an sinh xã hội cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt xong trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy Ban nhân dân các tỉnh.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao kế hoạch thực hiện nhiệm vụ an sinh xã hội.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có đường sắt đi qua có ý kiến bằng văn bản gửi về Bộ Giao thông vận tải trước ngày 15 tháng 11 hằng năm.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ hướng dẫn Luật Đường sắt.

12. Phê duyệt phương án giá dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt

- Trình tự thực hiện:
 - + Cục Đường sắt Việt Nam trình Bộ Giao thông vận tải quyết định giá tối đa dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt.
 - + Bộ GTVT gửi xin ý kiến của Bộ Tài chính.
 - + Căn cứ vào ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ GTVT ra quyết định giá tối đa theo từng tuyến đường.
- Cách thức thực hiện: Không quy định.
- Thành phần, số lượng hồ sơ:
 - + Hồ sơ phê duyệt thẩm định phương án giá và quyết định giá thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý giá.
 - + Số lượng hồ sơ: Không quy định.
- Thời hạn giải quyết: Thời hạn thẩm định phương án giá và quyết định giá thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý giá.
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục ĐSVN.
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT, Bộ Tài chính.
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giá tối đa theo từng tuyến đường.
- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:
 - + Khi các yếu tố hình thành giá dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt có biến động tăng, giảm ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống
 - + Có ý kiến tham gia của Bộ Tài chính.
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
 - + Thông tư 24/2018/TT-BGTVT ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về xây dựng biểu đồ chạy tàu và điều hành giao thông vận tải đường sắt.

+ Thông tư số 11/2019/TT-BGTVT ngày 11/3/2019 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 24/2018/TT-BGTVT ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về xây dựng biểu đồ chạy tàu và điều hành giao thông vận tải đường sắt.

V. Lĩnh vực đăng kiểm

13. Đề nghị kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu đăng kiểm phương tiện

- Trình tự thực hiện:

+ Các cơ quan quản lý nhà nước có nhu cầu sử dụng dữ liệu đăng kiểm phương tiện gửi đề nghị bằng văn bản tới cơ quan quản lý dữ liệu đăng kiểm phương tiện nêu rõ mục đích sử dụng, danh mục thông tin cần chia sẻ, phương thức kết nối và tần suất sử dụng dữ liệu.

+ Căn cứ đề nghị, cơ quan quản lý dữ liệu đăng kiểm phương tiện quyết định chia sẻ dữ liệu; phối hợp với cơ quan quản lý nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Bộ Giao thông vận tải thiết lập kết nối; cấp quyền truy cập và hướng dẫn kỹ thuật thực hiện kết nối. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị (nêu rõ mục đích sử dụng, danh mục thông tin cần chia sẻ, phương thức kết nối và tần suất sử dụng dữ liệu).

+ Số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức (Các cơ quan quản lý nhà nước).

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Đăng kiểm VN.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thiết lập kết nối; cấp quyền truy cập và hướng dẫn kỹ thuật thực hiện kết nối.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 28/2022/TT-BGTVT ngày 29/11/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý, duy trì, chia sẻ và đảm bảo an toàn thông tin dữ liệu đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải.

VI. Lĩnh vực đường bộ

14. Cấp tài khoản khai thác, sử dụng dữ liệu hình ảnh từ camera lắp trên xe ô tô

- Trình tự thực hiện: Cơ quan công an và các cơ quan trong ngành giao thông vận tải có nhu cầu khai thác, sử dụng dữ liệu hình ảnh từ camera lắp trên xe ô tô để phục vụ công tác quản lý nhà nước, kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật và công tác khác để bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông đề nghị Cục Đường bộ Việt Nam cấp tài khoản khai thác, sử dụng.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ: Không quy định.

+ Số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức [Cơ quan Công an (Cục Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương), ngành giao thông vận tải (Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải)].

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục ĐBVN.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp tài khoản khai thác, sử dụng dữ liệu hình ảnh từ camera lắp trên xe ô tô.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/11/2020 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

15. Công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ và tình trạng kỹ thuật đường ngang

- Trình tự thực hiện:

+ Khu Quản lý đường bộ/Sở Giao thông vận tải gửi số liệu về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ về Cục Đường bộ Việt Nam.

+ Cục Đường sắt Việt Nam gửi số liệu về tình trạng kỹ thuật đường ngang về Cục Đường bộ Việt Nam.

+ Cục Đường bộ Việt Nam tổng hợp, công bố tải trọng và khổ giới hạn của quốc lộ; cập nhật tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ và tình trạng kỹ thuật của đường ngang trong phạm vi cả nước trên Trang thông tin điện tử của Cục Đường bộ Việt Nam.

- Cách thức thực hiện:

+ Trực tiếp

+ Trực tuyến

+ Qua dịch vụ bưu chính

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản của Cục Đường sắt Việt Nam gửi Cục ĐBVN.

+ Văn bản của các Khu QLDB/Sở GTVT gửi Cục ĐBVN.

+ Số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+ Khu Quản lý đường bộ/Sở Giao thông vận tải.

+ Cục Đường sắt Việt Nam

+ Cục Đường bộ Việt Nam

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường sắt Việt Nam.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ và tình trạng kỹ thuật đường ngang trên Trang thông tin điện tử của Cục Đường bộ Việt Nam.

- Phí, lệ phí (nếu có):

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải.

+ Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ GTVT quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ.

16. Công bố quyết định tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với hệ thống quốc lộ, đường bộ cao tốc

- Trình tự thực hiện:

+ Khu Quản lý đường bộ/Sở Giao thông vận tải báo cáo: nêu phạm vi ảnh hưởng của thiên tai hoặc sự cố; hư hỏng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do ảnh hưởng của thiên tai; mức độ hư hỏng đối với công trình; thiệt hại hoặc nguy cơ gây thiệt hại có thể xảy về Bộ GTVT và Cục Đường bộ Việt Nam sau khi có thiên tai xảy ra.

+ Cục Đường bộ Việt Nam tổng hợp Báo cáo Bộ GTVT.

- Cách thức thực hiện:

+ Trực tiếp.

+ Trực tuyến.

+ Qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Dự báo của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia.

+ Hoặc Văn bản của Khu QLĐB/Sở GTVT gửi Cục ĐBVN. Nội dung bao gồm thông tin, Thời điểm bắt đầu, diễn biến, phạm vi ảnh hưởng của thiên tai hoặc sự cố; hư hỏng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do ảnh hưởng của thiên tai; mức độ hư hỏng đối với công trình; thiệt hại hoặc nguy cơ gây thiệt hại có thể xảy ra.

+ Văn bản của Cục ĐBVN báo cáo Bộ GTVT.

+ Số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cục Đường bộ Việt Nam – Bộ Giao thông vận tải.

+ Khu Quản lý đường bộ – Cục Đường bộ Việt Nam.

+ Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với hệ thống quốc lộ và đường bộ cao tốc.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều năm 2020.

+ Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều.

+ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải.

+ Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11/01/2019 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả lụt thiên tai trong lĩnh vực đường bộ.

+ Thông tư số 43/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11/01/2019.

17. Công bố quyết định kết thúc tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với hệ thống quốc lộ và đường bộ cao tốc

- Trình tự thực hiện:

+ Khu Quản lý đường bộ hoặc Sở Giao thông vận tải báo cáo về Cục Đường bộ Việt Nam về các đơn vị thực hiện thi công xây dựng công trình khẩn cấp, khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 theo tình huống khẩn cấp về thiên tai trên hệ thống quốc lộ của các đợt mưa theo Quyết định Công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai đã thi công xong tại hiện trường.

+ Cục Đường bộ Việt Nam tổng hợp Báo cáo Bộ GTVT.

- Cách thức thực hiện:

+ Trực tiếp.

+ Trực tuyến.

+ Qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản của Khu QLDB/Sở GTVT gửi Cục ĐBVN.

+ Văn bản của Cục ĐBVN gửi Bộ GTVT: Nội dung bao gồm Chủ đầu tư đã kết thúc thi công xây dựng công trình khẩn cấp, khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 theo tình huống khẩn cấp về thiên tai trên hệ thống quốc lộ của các đợt mưa theo Quyết định Công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai.

+ Số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cục Đường bộ Việt Nam – Bộ Giao thông vận tải.

+ Khu Quản lý đường bộ – Cục Đường bộ Việt Nam.

+ Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố kết thúc tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với hệ thống quốc lộ và đường bộ cao tốc.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- + Luật Giao thông đường bộ năm 2008.
- + Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều năm 2020.
- + Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều.
- + Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải.
- + Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11/01/2019 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả lụt thiên tai trong lĩnh vực đường bộ.
- + Thông tư số 43/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11/01/2019.

18. Công bố quyết định Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp đối với hệ thống quốc lộ, đường bộ cao tốc thuộc trách nhiệm quản lý, bảo trì của Bộ Giao thông vận tải

- Trình tự thực hiện: Khu Quản lý đường bộ hoặc Sở Giao thông vận tải báo cáo về Cục Đường bộ Việt Nam về việc xây dựng công trình khẩn cấp đối với hệ thống quốc lộ, đường bộ cao tốc thuộc trách nhiệm quản lý, bảo trì của Bộ Giao thông vận tải.

- Cách thức thực hiện:

+ Trực tiếp.

+ Trực tuyến.

+ Qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Tờ trình Văn bản của Khu QLDB hoặc Sở GTVT gửi Cục ĐBVN. Nội dung bao gồm thông tin: Mục đích xây dựng, địa điểm xây dựng; Người được giao quản lý thực hiện xây dựng công trình; Thực hiện xây dựng công trình khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông theo quy định tại Điều 13 Thông tư 03/2019/TT-BGTVT (đối với công trình đường bộ đang khai thác). Các giải pháp khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định của pháp luật về xây dựng, về phòng, chống thiên tai (đối với dự án đầu tư, xây dựng đường bộ mới hoặc nâng cấp, cải tạo); Thời gian xây dựng công trình; Dự kiến chi phí, nguồn lực thực hiện và các yêu cầu cần thiết khác có liên quan.

+ Số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cục Đường bộ Việt Nam – Bộ Giao thông vận tải.

+ Các Khu Quản lý đường bộ – Cục Đường bộ Việt Nam.

+ Các Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố quyết định Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp.

- Phí, lệ phí (nếu có):

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều năm 2020.

+ Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều.

+ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải.

+ Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11/01/2019 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả lụt thiên tai trong lĩnh vực đường bộ.

+ Thông tư số 43/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11/01/2019.

VII- Lĩnh vực khác

19. Phê duyệt quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước, quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn, quy hoạch tuyến đường sắt, ga đường sắt

- Trình tự thực hiện:

+ Các Cục trực thuộc Bộ Giao thông vận tải được giao căn cứ vào thời hạn lập quy định và nội dung lập quy hoạch quy định tại Điều 9, 10 của Nghị định số 56/2019/NĐ-CP có trách nhiệm lập các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trong lĩnh vực giao thông vận tải và trình Bộ GTVT.

+ Bộ Giao thông vận tải là Cơ quan tổ chức lập quy hoạch, có trách nhiệm: quyết định cơ quan lập quy hoạch; thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch (tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch theo hình thức thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng để thẩm định), lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch hoặc quyết định phê duyệt quy hoạch theo thẩm quyền.

+ Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi hồ sơ lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức có liên quan về quy hoạch gồm báo cáo quy hoạch, bản đồ thể hiện nội dung quy hoạch. Các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch. Cơ quan lập quy hoạch tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến, báo cáo cơ quan tổ chức lập quy hoạch xem xét trước khi trình thẩm định quy hoạch.

+ Thời gian thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch không quá 45 ngày tính từ ngày Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị có chức năng thẩm định nhận đủ hồ sơ trình thẩm định. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc thẩm định, Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị có chức năng thẩm định phải gửi Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tới cơ quan lập quy hoạch. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch.

+ Bộ GTVT trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Hồ sơ các Cục trình Bộ gồm: Hồ sơ trình thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch gồm các tài liệu: Tờ trình thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch; Báo cáo thuyết minh nhiệm vụ lập quy hoạch; Tài liệu khác (nếu có); Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch gồm: Tờ trình phê duyệt quy hoạch; Báo cáo quy hoạch; Dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch; Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan và địa phương liên

quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch; Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

+ Hồ sơ Bộ GTVT trình TTCP gồm: Hồ sơ trình phê duyệt dự án quy hoạch gồm: Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch; Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt quy hoạch đã được hoàn thiện; Báo cáo kết quả thẩm định; báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch; Các tài liệu khác (nếu có).

+ Số lượng hồ sơ: không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ GTVT.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt quy hoạch của Thủ tướng Chính phủ.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 56/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều liên quan đến lĩnh vực GTVT trong sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật có liên quan đến Quy hoạch.

II. Thủ tục hành chính nội bộ trong Bộ GTVT

I. Lĩnh vực đường thủy nội địa

1. Công bố đóng luồng đường thủy nội địa quốc gia không còn nhu cầu khai thác, sử dụng

- Trình tự thực hiện:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam lập hồ sơ đề nghị đóng luồng gửi Bộ Giao thông vận tải và tổ chức thu hồi báo hiệu đường thủy nội địa trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày quyết định đóng luồng có hiệu lực;

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố đóng luồng theo phạm vi quản lý.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Hồ sơ đề nghị đóng luồng.

+ Số lượng hồ sơ: không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố đóng luồng theo phạm vi quản lý.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường thủy nội địa VN.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố đóng luồng.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

2. Công bố mở luồng đường thủy nội địa quốc gia

- Trình tự thực hiện: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam lập hồ sơ, báo cáo Bộ Giao thông vận tải; trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố mở luồng.

- Cách thức thực hiện: Không quy định

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Hồ sơ, báo cáo của Cục Đường thủy nội địa.

+ Số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố mở luồng.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

II. Lĩnh vực hàng hải

3. Lập và công bố danh mục khu vực nạo vét

- Trình tự thực hiện:

+ Hàng năm, Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức lập mới hoặc sửa đổi, bổ sung danh mục khu vực nạo vét trên cơ sở các thông tin quy định tại khoản 2, Điều 4 Thông tư số 35/2019/TT-BGTVT này và các thông tin: tên địa điểm, thông số kỹ thuật, chuẩn tắc thiết kế của khu vực nạo vét; dự kiến khối lượng sản phẩm tận thu, chủng loại sản phẩm tận thu, thời gian thực hiện; dự kiến chi phí chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án. Danh mục khu vực nạo vét phải có những nội dung chủ yếu theo quy định của khoản 3 Điều 26 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.

+ Cục Hàng hải Việt Nam tổng hợp, lập danh mục khu vực nạo vét, trình Bộ Giao thông vận tải trước ngày 15 tháng 6 hàng năm;

+ Bộ Giao thông vận tải tổ chức lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi có khu vực nạo vét (nếu cần) trước ngày 01 tháng 7 hàng năm;

+ Bộ Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt danh mục khu vực nạo vét.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Danh mục khu vực nạo vét.

+ Số lượng hồ sơ: không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục HHVN.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản phê duyệt danh mục khu vực nạo vét.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 35/2019/TT-BGTVT ngày 09/9/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển.

4. Công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải

- Trình tự thực hiện:

+ Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức lập hồ sơ để trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải.

+ Bộ Giao thông vận tải xem xét, công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị công bố vùng nước cảng biển;

+ Ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan;

+ Hải đồ xác định giới hạn vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải.

+ Số lượng hồ sơ: không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng hải Việt Nam.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

5. Công bố Danh mục bến cảng thuộc các cảng biển Việt Nam

- Trình tự thực hiện:
 - + Định kỳ vào tháng 3 hàng năm, Cục Hàng hải Việt Nam lập và trình Bộ Giao thông vận tải danh mục bến cảng thuộc các cảng biển Việt Nam.
 - + Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức phát hành danh mục phân loại cảng biển Việt Nam, luồng hàng hải và danh mục bến cảng thuộc các cảng biển Việt Nam sau khi được Bộ GTVT công bố.
- Cách thức thực hiện: Không quy định.
- Thành phần, số lượng hồ sơ:
 - + Tờ trình đề nghị công bố danh mục bến cảng thuộc cảng biển Việt Nam;
 - + Dự thảo danh mục bến cảng thuộc các cảng biển Việt Nam;
 - + Bản sao Quyết định công bố bến cảng.
 - + Số lượng hồ sơ: không quy định.
- Thời hạn giải quyết: Không quy định.
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng hải Việt Nam.
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố danh mục bến cảng thuộc cảng biển Việt Nam.
- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

6. Công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam

- Trình tự thực hiện:

+ Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo Cục Hàng hải Việt Nam căn cứ quy định tại Điều 109, Điều 110 Bộ luật hàng hải Việt Nam, các quy định khác có liên quan của pháp luật và điều kiện thực tế để tổ chức thiết lập tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam.

+ Trong quá trình thực hiện, Cục Hàng hải Việt Nam phải phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công an, Bộ Xây dựng, Bộ Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan về phương án thiết lập, công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam. Chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Cục Hàng hải Việt Nam, các cơ quan chức năng của các bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải có văn bản trả lời.

+ Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định, phê duyệt phương án thiết lập và công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam trên cơ sở đề nghị của Cục Hàng hải Việt Nam; đồng thời, chỉ đạo Cục Hàng hải Việt Nam chủ trì tổ chức thực hiện.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam kèm theo phương án thiết lập, công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam;

+ Hải đồ thể hiện chi tiết tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam;

+ Các tài liệu, thông tin cần thiết liên quan khác (nếu có).

+ Số lượng hồ sơ: không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục HHVN.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 16/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018/NĐ-CP của Chính phủ về việc công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam.

7. Đăng ký sử dụng, cung cấp thông tin LRIT

- Trình tự thực hiện:

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi hoạt động có liên quan đến an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, bảo vệ môi trường và hoạt động tìm kiếm, cứu nạn gửi đến Cục Hàng hải Việt Nam văn bản đề nghị để yêu cầu cấp tài khoản truy cập thông tin LRIT. Chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức cấp tài khoản, trường hợp không cung cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị để yêu cầu cấp tài khoản truy cập thông tin LRIT.

+ Số lượng hồ sơ: không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức cấp tài khoản.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi hoạt động có liên quan đến an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, bảo vệ môi trường và hoạt động tìm kiếm, cứu nạn.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục HHVN.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp tài khoản truy cập thông tin LRIT.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị theo mẫu.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Quyết định số 62/2014/QĐ-TTg ngày 06/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng thông tin nhận dạng và truy theo tầm xa của tàu thuyền.

Mẫu:

ĐỀ NGHỊ CẤP TÀI KHOẢN TRUY CẬP, SỬ DỤNG THÔNG TIN LRIT

TÊN CƠ QUAN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày..... tháng..... năm.....

V/v đề nghị cấp tài khoản
truy cập, sử dụng thông tin
LRIT

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

1. Cơ quan đề nghị:

Tên			
Địa chỉ			
Điện thoại		Fax	
Email			
Đầu mối liên hệ	Tên người liên hệ		
	Điện thoại		
	Email		

2. Nội dung đề nghị:

a) Người truy cập, sử dụng thông tin LRIT:

Tên người sử dụng	
Bộ phận	
Điện thoại	
Email	

b) Mục đích truy cập, sử dụng thông tin LRIT:

<input type="checkbox"/> Phục vụ tìm kiếm cứu nạn	<input type="checkbox"/> Phục vụ an toàn hàng hải
<input type="checkbox"/> Phục vụ bảo vệ môi trường	<input type="checkbox"/> Phục vụ an ninh hàng hải
<input type="checkbox"/> Khác:	

3. Thời hạn truy cập, sử dụng:

Từ:.....

Đến:

Đề nghị Quý Cục cấp tài khoản truy cập, sử dụng thông tin LRIT.

Ký tên và đóng dấu



III. Lĩnh vực hàng không

8. Trình, phê duyệt quy hoạch Cảng hàng không, sân bay

- Trình tự thực hiện:

+ Cục hàng không Việt Nam tiến hành lập quy hoạch và gửi hồ sơ lấy ý kiến của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức có liên quan về quy hoạch. Các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch.

+ Cục hàng không Việt Nam tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến, báo cáo Bộ GTVT xem xét trước khi trình thẩm định quy hoạch.

+ Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch (Khoản 2 Điều 12, 13 Nghị định 05/2021/NĐ-CP).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Hồ sơ trình thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch gồm các tài liệu sau đây:

+ Tờ trình thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay;

+ Báo cáo thuyết minh nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay;

+ Tài liệu khác (nếu có).

* Hồ sơ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay gồm các tài liệu sau đây:

+ Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay;

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay;

+ Báo cáo thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay;

+ Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến Hội đồng thẩm định (nếu có) về nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay;

+ Báo cáo thuyết minh nhiệm vụ lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay đã được chỉnh lý, hoàn thiện;

+ Tài liệu khác (nếu có).

* Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch gồm các tài liệu chủ yếu sau đây:

+ Tờ trình phê duyệt quy hoạch;

+ Báo cáo quy hoạch;

+ Dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch;

+ Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của các cơ quan có liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch;

- + Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;
- + Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.
- * Hồ sơ trình phê duyệt dự án quy hoạch gồm:
 - + Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch;
 - + Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt quy hoạch đã được hoàn thiện;
 - + Báo cáo kết quả thẩm định; báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;
 - + Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch; đ) Các tài liệu khác (nếu có).
 - + Số lượng hồ sơ: Không quy định.
 - Thời hạn giải quyết: Không quy định.
 - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục HKVN.
 - Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.
 - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt quy hoạch cảng hàng không, sân bay.
 - Phí, lệ phí (nếu có): Không có.
 - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.
 - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.
 - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

9. Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch cục bộ cảng hàng không, sân bay

- Trình tự thực hiện:

+ Bộ Giao thông vận tải giao Cục Hàng không Việt Nam thực hiện lập, trình báo cáo điều chỉnh cục bộ quy hoạch;

+ Bộ Giao thông vận tải rà soát, lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương có liên quan và phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ: Không quy định.

+ Số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục HKVN.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch cục bộ cảng hàng không, sân bay.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Các quy định tại Điều 36 Nghị định 05/2021/NĐ-CP.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

IV. Lĩnh vực đường sắt

10. Thành lập Hội đồng phân tích sự cố, tai nạn giao thông đường sắt đặc biệt nghiêm trọng có liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực

- Trình tự thực hiện: Cục Đường sắt Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải để thành lập Hội đồng phân tích sự cố, tai nạn giao thông đường sắt trong trường hợp xảy ra tai nạn giao thông đường sắt đặc biệt nghiêm trọng có liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.
- Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.
- Thời hạn giải quyết: Không quy định.
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục ĐSVN.
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thành lập Hội đồng phân tích sự cố, tai nạn giao thông đường sắt.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Bộ GTVT ban hành quyết định trong hợp xảy ra tai nạn giao thông đường sắt đặc biệt nghiêm trọng có liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 23/2018/TT-BGTVT ngày 04/5/2018 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt và phân tích, thống kê báo cáo về sự cố, tai nạn giao thông đường sắt.

11. Tổ chức cảnh giới tại các đường ngang nguy hiểm trên đường sắt quốc gia

- Trình tự thực hiện: Cục Đường sắt Việt Nam kiểm tra, đề xuất Bộ Giao thông vận tải quyết định tổ chức cảnh giới tại các đường ngang nguy hiểm trên đường sắt quốc gia đối với các đường ngang chưa tổ chức phòng vệ theo hình thức có người gác đối với hành lang an toàn giao thông tại đường ngang không bảo đảm tầm nhìn theo quy định của Nghị định quản lý bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt; đường bộ tại đường ngang đã được nâng cấp từ cấp VI trở lên.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.
- Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.
- Thời hạn giải quyết: Không quy định.
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục ĐSVN.
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định tổ chức cảnh giới tại các đường ngang nguy hiểm trên đường sắt quốc gia.
- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Các đường ngang chưa đáp ứng quy định tại điểm a khoản 2 điều 11 Thông tư 25/2018/TT-BGTVT quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 25/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

12. Xử lý đối với công trình đường sắt có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng

- Trình tự thực hiện: Cục Đường sắt Việt Nam kiểm tra, đề xuất biện pháp xử lý khi phát hiện hoặc nhận được báo cáo về công trình đường sắt có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng để Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục ĐSVN.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Biện pháp xử lý khi phát hiện hoặc nhận được báo cáo về công trình đường sắt có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Khi Cục Đường sắt Việt Nam phát hiện hoặc nhận được báo cáo về công trình đường sắt có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 03/2021/TT-BGTVT ngày 08/02/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

13. Xử lý đối với công trình đường sắt hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp

- Trình tự thực hiện: Cục Đường sắt Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và báo cáo, đề xuất phương án xử lý, lộ trình thực hiện theo quy định của pháp luật về Bộ Giao thông vận tải để được xem xét, quyết định.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.
- Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.
- Thời hạn giải quyết: Không quy định.
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục ĐSVN.
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phương án xử lý, lộ trình thực hiện xử lý đối với công trình đường sắt hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp.
- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 03/2021/TT-BGTVT ngày 08/02/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

14. Xử lý trường hợp số liệu quan trắc vượt quá giá trị cho phép hoặc có dấu hiệu bất thường

- Trình tự thực hiện: Cục Đường sắt Việt Nam báo cáo kết quả quan trắc, đề xuất kiến nghị Bộ Giao thông vận tải có biện pháp xử lý kịp thời đối với trường hợp số liệu quan trắc vượt quá giá trị cho phép hoặc có dấu hiệu bất thường.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục ĐSVN.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Biện pháp xử lý đối với trường hợp số liệu quan trắc vượt quá giá trị cho phép hoặc có dấu hiệu bất thường.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Áp dụng trong trường hợp số liệu quan trắc vượt quá giá trị cho phép hoặc có dấu hiệu bất thường.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 03/2021/TT-BGTVT ngày 08/02/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

15. Phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường sắt quốc gia

- Trình tự thực hiện:

+ Cục Đường sắt Việt Nam rà soát kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt và trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

+ Bộ Giao thông vận tải rà soát, tổng hợp kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì công trình đường sắt vào dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Giao thông vận tải, gửi Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 7 hàng năm. Sau khi có thông báo của Bộ Tài chính về dự toán thu, chi ngân sách hàng năm và thông báo số dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường sắt Việt Nam trình Bộ Giao thông vận tải theo quy định tại điểm a, điểm b Khoản 2, Điều 15 Thông tư số 03/2021/TT-BGTVT.

+ Bộ Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt kế hoạch, dự toán kinh phí bảo trì công trình đường sắt sau khi nhận đầy đủ hồ sơ kế hoạch bảo trì công trình đường sắt, báo cáo thẩm tra và ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu có).

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Kế hoạch bảo trì công trình đường sắt hàng năm bao gồm: Kế hoạch bảo dưỡng, kế hoạch sửa chữa định kỳ theo từng tuyến (đoạn tuyến) và các công tác khác (nếu có). Kế hoạch bảo trì công trình đường sắt phải nêu được đầy đủ các thông tin sau: tên công trình, hạng mục công trình; đơn vị, khối lượng, dự kiến kinh phí thực hiện; thời gian thực hiện; phương thức thực hiện và mức độ ưu tiên.

+ Báo cáo thẩm tra của Cục Đường sắt Việt Nam.

+ Ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu có).

+ Số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục ĐSVN.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch, dự toán kinh phí bảo trì công trình đường sắt quốc gia được phê duyệt.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 03/2021/TT-BGTVT ngày 08/02/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

16. Điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường sắt quốc gia

- Trình tự thực hiện: Cục Đường sắt Việt Nam kiểm tra, rà soát, trình Bộ Giao thông vận tải trước ngày 15 tháng 10 hàng năm để xem xét, quyết định. Bộ Giao thông vận tải quyết định việc điều chỉnh kế hoạch bảo trì trước ngày 31 tháng 10 hàng năm.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.
- Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.
- Thời hạn giải quyết: 06 ngày.
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục ĐSVN.
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường sắt quốc gia.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 03/2021/TT-BGTVT ngày 08/02/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

17. Phê duyệt phương án giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công trong công tác bảo trì công trình, thiết bị đường sắt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước

- Trình tự thực hiện: Cục Đường sắt Việt Nam trình Bộ GTVT thẩm định, phê duyệt phương án giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công trong công tác bảo trì công trình, thiết bị đường sắt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục ĐSVN.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản phê duyệt phương án giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công trong công tác bảo trì công trình, thiết bị đường sắt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 03/2021/TT-BGTVT ngày 08/02/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

18. Thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ giá thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt

- Trình tự thực hiện:

+ Cục Đường sắt Việt Nam tổ chức kiểm tra xét duyệt quyết toán chi phí thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ an sinh xã hội và báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả xét duyệt. Sau khi nhận được báo cáo kết quả xét duyệt quyết toán của Cục Đường sắt Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 46 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP, thẩm định báo cáo quyết toán chi phí thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt.

- Cách thức thực hiện: trực tiếp qua đường công văn hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản yêu cầu hoặc đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 46 của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP; phương án tổ chức thực hiện nhiệm vụ đặc biệt và dự trù kinh phí thực hiện của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt; báo cáo quyết toán chi phí thực hiện do doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt lập.

+ Tài liệu kèm theo hồ sơ quyết toán: Thuyết minh hồ sơ quyết toán; Biểu tổng hợp quyết toán hỗ trợ giá theo từng nhiệm vụ; Biểu tổng hợp quyết toán doanh thu theo từng nhiệm vụ; Biểu tổng hợp quyết toán chi phí theo từng nhiệm vụ; Bản sao các chứng từ, tài liệu liên quan.

+ Số lượng hồ sơ: Không quy định.

+ Báo cáo thẩm định của Cục Đường sắt Việt Nam

- Thời hạn giải quyết: Không quy định

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục ĐSVN

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thẩm định báo cáo quyết toán chi phí thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 46 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP, thẩm định và có văn bản gửi Bộ Tài chính để làm cơ sở quyết toán với ngân sách nhà nước.
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
 - + Nghị định 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt.
 - + Thông tư số 49/2019/TT-BGTVT ngày 17/12/2019 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn quy trình, hồ sơ thanh quyết toán, thủ tục hỗ trợ giá cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt, nhiệm vụ an sinh xã hội.

V. Lĩnh vực đăng kiểm

19. Phê duyệt kế hoạch xây mới hoặc sửa chữa công trình

- Trình tự thực hiện:

Xây mới có giá trị dưới 100 triệu đồng:

+ Đơn vị trình Cục ĐKVN phê duyệt phương án thiết kế, dự toán kinh phí kèm Tờ trình thuyết minh rõ mục tiêu, sự cần thiết phải đầu tư công trình.

+ Phòng TC-KHĐT khảo sát hiện trạng, thẩm định và tham mưu Cục ĐKVN phê duyệt.

+ Triển khai thực hiện.

+ Đơn vị trình Cục xem xét, thẩm định hồ sơ quyết toán công trình sau khi hoàn thành.

Xây mới/ sửa chữa có giá trị từ 100 triệu đến 500 triệu đồng:

+ Đơn vị lập Tờ trình gửi Cục ĐKVN.

+ Phòng TC-KHĐT khảo sát hiện trạng, thống nhất nội dung công việc xây mới/ sửa chữa và tham mưu Cục ĐKVN phê duyệt chủ trương.

+ Đơn vị lập dự toán, hồ sơ thiết kế trình Cục ĐKVN thẩm định, phê duyệt.

+ Đơn vị lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình Cục ĐKVN phê duyệt.

Công trình có chi phí trên 500 triệu đồng:

+ Đơn vị lập Tờ trình gửi Cục ĐKVN.

+ Phòng TC-KHĐT khảo sát hiện trạng, thống nhất nội dung công việc xây mới/ sửa chữa và tham mưu Cục ĐKVN xem xét.

+ Đơn vị lập Đề cương-dự toán kinh phí và kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

+ Đơn vị trình Cục ĐKVN phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

+ Đơn vị lập, trình Cục ĐKVN thẩm định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật.

+ Đơn vị lập, trình Cục ĐKVN thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

+ Đơn vị lập báo cáo quyết toán hoàn thành và quyết toán nguồn kinh phí trình Cục ĐKVN phê duyệt, thẩm định.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp/ Trực tuyến/ Qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Bản chính các hồ sơ tài liệu nêu ở mục trình tự thực hiện.

+ Số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện TTHC: Đơn vị đăng kiểm trực thuộc Cục ĐKVN.

- Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục ĐKVN.

- Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định về việc phê duyệt các hồ sơ, tài liệu nêu ở mục trình tự thực hiện.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.
- Căn cứ pháp lý của TTHC: Quyết định số 1225/QĐ-ĐKVN ngày 16/9/2020 của Cục trưởng Cục ĐKVN về việc ban hành quy chế quản lý công tác đầu tư xây dựng mới và cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc, công trình kiến trúc trong các đơn vị trực thuộc Cục ĐKVN.

20. Công nhận đăng kiểm viên tàu biển, công trình biển thực hiện công tác kiểm tra

- Trình tự thực hiện:
 - + Đơn vị đăng kiểm lập hồ sơ đề nghị gửi Hội đồng công nhận ĐKV tàu biển.
 - + Hội đồng xem xét tính đầy đủ của hồ sơ.
 - + Hội đồng phân công người thực hiện đánh giá ĐKV. Kết quả đánh giá phải thông báo cho đơn vị trong vòng 3 ngày sau khi hoàn thành công việc đánh giá.
 - + Cục trưởng Cục ĐKVN ban hành quyết định công nhận ĐKV, Giấy chứng nhận ĐKV và cấp thẻ ĐKV.
- Cách thức thực hiện: Trực tiếp/ Trực tuyến/ Qua dịch vụ bưu chính.
- Thành phần, số lượng hồ sơ:
 - + Văn bản đề nghị;
 - + Bằng tốt nghiệp đại học (bản sao đối với công nhận lần đầu);
 - + Chứng chỉ Anh văn;
 - + Chứng chỉ tin học;
 - + Lý lịch chuyên môn;
 - + Bản sao chứng chỉ các khóa tập huấn nghiệp vụ;
 - + Các bản ghi của chương trình tập huấn ĐKV.
- + Số lượng hồ sơ:
 - Thời hạn giải quyết: Không quy định.
 - Đối tượng thực hiện TTHC: Các đơn vị đăng kiểm có liên quan đến hoạt động đăng kiểm tàu biển, công trình biển, sản phẩm công nghiệp dùng trên tàu biển.
 - Cơ quan giải quyết TTHC: Cục ĐKVN.
 - Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định về việc công nhận đăng kiểm viên tàu biển của Cục trưởng Cục ĐKVN.
 - Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.
 - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định
 - Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.
 - Căn cứ pháp lý của TTHC:
 - + Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển .
 - + Quyết định số 1620/QĐ-ĐKVN ngày 12/12/2018 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Chương trình tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển và quy trình đánh giá, công nhận đăng kiểm viên tàu biển.

21. Công nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa thực hiện công tác kiểm tra

- Trình tự thực hiện:
 - + Đơn vị đăng kiểm đề nghị hoàn thiện 01 bộ hồ sơ đề nghị công nhận gửi Cục ĐKVN.
 - + Cục ĐKVN tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trả lời về tính đầy đủ trong 01 ngày làm việc.
 - + Cục ĐKVN thực hiện kiểm tra thực tế năng lực ĐKV. Thời gian hoàn thành kiểm tra tối đa 03 tháng.
 - + Cục ĐKVN trả kết quả. Thời hạn trả kết quả không quá 03 ngày từ khi hoàn thành kiểm tra.
 - Cách thức thực hiện: Trực tiếp/ Trực tuyến/ Qua dịch vụ bưu chính.
 - Thành phần, số lượng hồ sơ:
 - + Giấy đề nghị (bản chính);
 - + Lý lịch chuyên môn (bản chính);
 - + Bản sao văn bằng, chứng chỉ (có công chứng);
 - + Báo cáo thực tập (bản chính);
 - + Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
 - Thời hạn giải quyết: 03 tháng.
 - Đối tượng thực hiện TTHC: Các đơn vị đăng kiểm liên quan đến hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.
 - Cơ quan giải quyết TTHC: Cục ĐKVN.
 - Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định về việc công nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa của Cục trưởng Cục ĐKVN.
 - Phí, lệ phí (nếu có): Không có quy định
 - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị công nhận ĐKV phương tiện thủy nội địa.
 - Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.
 - Căn cứ pháp lý của TTHC:
 - Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.
 - Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm.

Mẫu:

**ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:....., ngày tháng năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

CÔNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi:.....

1. Đơn vị đăng kiểm:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:..... Số Fax:.....
4. Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam đánh giá để công nhận/công nhận lại/công nhận nâng hạng (*) Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa cho ông (bà):
5. Họ và tên:.....
6. Ngày tháng năm sinh:.....
7. Nơi sinh:.....
8. Quê quán:.....
9. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:.....
10. Hiện đang là Đăng kiểm viên (**): (đã hoàn thành chương tập huấn Giấy chứng nhận số (Đăng kiểm viên công nhận lần đầu, nâng hạng)/Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên số (Đăng kiểm viên công nhận lại, nâng hạng)
11. Hạng Đăng kiểm viên đề nghị đánh giá công nhận:.....
12. Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra đề nghị đánh giá công nhận lại/công nhận nâng hạng (*):
- 12.1. Số lượng phương tiện đóng mới (chiếc) thực hiện trong thời gian giữ hạng (đối với Đăng kiểm viên đánh giá lại, nâng hạng) phân theo loại vật liệu đóng tàu:

Thép	Nhôm	Gỗ	Chất dẻo cốt sợi thủy tinh	Xi măng lưới thép	Khác

- 12.2. Số lượng phương tiện đang khai thác (chiếc) thực hiện trong thời gian giữ hạng (đối với Đăng kiểm viên đánh giá lại, nâng hạng) phân theo loại vật liệu đóng tàu và loại hình kiểm tra:



Loại hình kiểm tra	Số phương tiện phân theo vật liệu đóng tàu					
	Thép	Nhôm	Gỗ	Chất dẻo cốt sợi thủy tinh (FRP)	Xi măng lưới thép	Khác
Định kỳ						
Trên đà						
Trung gian						
Hàng năm						
Bất thường						

13. Đăng kiểm viên thẩm định thiết kế đề nghị đánh giá công nhận lại/bổ sung phạm vi thực hiện (*):

1.3.1. Số lượng thiết kế (chiếc) thực hiện trong thời gian giữ hạng:

Đối tượng thẩm định	Loại hình thẩm định thiết kế				
	Đóng mới	Hoán cải	Sửa đổi	Lập hồ sơ	Mẫu định hình

13.2. Số lượng thiết kế sản phẩm công nghiệp được thẩm định (Ghi cụ thể số lượng)

Xin gửi kèm các hồ sơ:

.....

Đơn vị đăng kiểm
 (Ký tên & đóng dấu)

- (*) *gạch bỏ những phần không thích hợp.*

- (**) *Ghi: Đăng kiểm viên thực tập hoặc hạng Đăng kiểm viên đang giữ*

22. Công nhận đăng kiểm viên đường sắt và đăng kiểm viên đường sắt bậc cao

- Trình tự thực hiện:
 - + Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định thành lập Hội đồng đánh giá Đăng kiểm viên đường sắt và quy định cụ thể quy chế làm việc của Hội đồng.
 - + Hội đồng lập Chương trình sát hạch, nội dung sát hạch cụ thể cho Đăng kiểm viên đường sắt.
 - + Hội đồng tổ chức sát hạch nghiệp vụ của Đăng kiểm viên đường sắt và lập báo cáo đánh giá.
 - + Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định công nhận và công nhận lại Đăng kiểm viên đường sắt trên cơ sở kết quả đánh giá của Hội đồng.
- Cách thức thực hiện: Trực tiếp/ Trực tuyến/ Qua dịch vụ bưu chính.
- Thành phần, số lượng hồ sơ:
 - + Văn bản đề nghị;
 - + Bằng tốt nghiệp đại học (bản sao đối với công nhận lần đầu);
 - + Chứng chỉ Anh văn;
 - + Chứng chỉ tin học;
 - + Lý lịch chuyên môn theo mẫu;
 - + Bản sao chứng chỉ các khóa tập huấn nghiệp vụ;
 - + Các bản ghi của chương trình tập huấn ĐKV.
 - + Số lượng hồ sơ: Không quy định.
- Thời hạn giải quyết: Không quy định.
- Đối tượng thực hiện TTHC: Đơn vị đăng kiểm trực thuộc Cục ĐKVN.
- Cơ quan giải quyết TTHC: Cục ĐKVN.
- Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định về việc bổ nhiệm đăng kiểm viên đường sắt.
- Phí, lệ phí (nếu có): Không có quy định.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Lý lịch chuyên môn.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không có quy định.
- Căn cứ pháp lý của TTHC: Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19/4/2018 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tiêu chuẩn Đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt.

Mẫu:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN KHAI LÝ LỊCH KHOA HỌC
ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM ĐĂNG KIỂM VIÊN

Phần I

TỰ THUẬT VỀ BẢN THÂN

- | | |
|---------------------|-----------------------------|
| - Họ và tên: | - Quê quán: |
| - Ngày sinh: | - Chỗ ở hiện nay: |
| - Dân tộc: | - Trình độ chuyên môn: |
| - Giới tính: Nam/Nữ | - Trình độ ngoại ngữ: |
| - Nơi sinh: | - Chức danh đăng kiểm viên: |
| - Tôn giáo: | - Đơn vị công tác: |

1. Đào tạo chuyên môn

Tên trường đào tạo	Thời gian	Chuyên môn	Trình độ

2. Đào tạo nghiệp vụ đăng kiểm

Tên khóa đào tạo	Địa điểm	Nơi đào tạo	Thời gian (từ ngày ... đến ngày)	Kết quả

3. Quá trình công tác chuyên môn, nghiệp vụ

TT	Chức danh đảm nhận	Chức vụ	Thời gian (từ ngày...đến ngày...)	Đơn vị công tác

4. Khen thưởng, kỷ luật

TT	Hình thức khen thưởng, kỷ luật	Ngày ra quyết định	Thời hạn kỷ luật	Cơ quan ra quyết định

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ BẢN THÂN

Đối chiếu với tiêu chuẩn Đảng viên hạng

Tôi tự xác định như sau:

- Về phẩm chất đạo đức:
- Về chuyên môn:
- Về trình độ ngoại ngữ:
- Về trình độ nghiệp vụ đảng viên:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng, nếu có gì sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

....., ngày tháng năm 20

Xác nhận của đơn vị chủ quản

Người khai
(ký, ghi rõ họ tên)

VI. Lĩnh vực đường bộ

23. Chấp thuận phương án giá vận hành khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ

- Trình tự thực hiện: Cục Đường bộ Việt Nam tổ chức thẩm định phương án giá vận hành khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ, trình Bộ Giao thông vận tải chấp thuận; quyết định giá vận hành, khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ thực hiện theo phương thức đặt hàng.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.
- Thành phần, số lượng hồ sơ:
 - + Thành phần hồ sơ: Không quy định.
 - + Số lượng hồ sơ: Không quy định.
- Thời hạn giải quyết: Không quy định.
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục ĐBVN.
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chấp thuận phương án giá vận hành khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ.
- Phí, lệ phí (nếu có): Không có
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 39/2020/TT-BGTVT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn phương pháp xây dựng phương án giá, quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và dịch vụ vận hành khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách trung ương khi thực hiện phương thức đặt hàng.

24. Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trên đường cao tốc

- Trình tự thực hiện: Cục Đường cao tốc Việt Nam và các Ban quản lý dự án được giao chịu trách nhiệm lập phương án tổ chức giao thông trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt trước khi đưa công trình vào khai thác.

- Cách thức thực hiện:

+ Trực tiếp;

+ Hoặc qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc hình thức phù hợp khác.

- Thành phần, số lượng hồ sơ 02 (hai) bộ:

+ Tờ trình phê duyệt (bản chính) theo mẫu;

+ Phương án tổ chức giao thông.

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào khai thác, sử dụng.

- Thời hạn giải quyết:

+ Cơ quan có thẩm quyền giải quyết tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản yêu cầu nhà đầu tư, chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án tổ chức giao thông giao cơ quan quản lý đường cao tốc tiến hành thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Sau khi có báo cáo thẩm định, nếu đủ điều kiện, ra quyết định phê duyệt phương án tổ chức giao thông trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường cao tốc Việt Nam, các Ban quản lý dự án.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Bộ trưởng Bộ GTVT phê duyệt phương án tổ chức giao thông trên đường cao tốc.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình phê duyệt (bản chính) theo mẫu.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Nội dung phương án tổ chức giao thông trên đường cao tốc phải đáp ứng yêu cầu tại Điều 9 Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 32/2014/NĐ-CP ngày 22/4/2014 của Chính phủ về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc.

+ Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc.

+ Thông tư số 45/2018/TT-BGTVT ngày 13/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc.

Mẫu:

**TÊN NHÀ ĐẦU TƯ/
CHỦ ĐẦU TƯ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Tên địa phương, ngày ... tháng ... năm

TỜ TRÌNH**Đề nghị phê duyệt phương án tổ chức giao thông**

Kính gửi: *(Cấp có thẩm quyền)*⁽¹⁾

Căn cứ Điều 6 Nghị định số [32/2014/NĐ-CP](#) ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc;

Căn cứ Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc.

(Tên nhà đầu tư, chủ đầu tư) trình (Cấp có thẩm quyền) phê duyệt Phương án tổ chức giao thông (tên công trình đường cao tốc) với các nội dung như sau:

I. Thông tin chung về công trình:

1. Tên công trình:
2. Địa điểm xây dựng:
3. Quy mô công trình: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình)
4. Cấp công trình:
5. Tên nhà đầu tư/chủ đầu tư và thông tin liên lạc (điện thoại, địa chỉ...):
6. Nguồn vốn đầu tư:
7. Ngày khởi công/ngày hoàn thành (theo Biên bản nghiệm thu):
8. Các thông tin khác có liên quan:

II. Danh mục hồ sơ gửi kèm bao gồm:

1. Hồ sơ phương án tổ chức giao thông;
2. Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào khai thác, sử dụng;
3. Các văn bản pháp lý liên quan khác.

(Tên nhà đầu tư/chủ đầu tư) trình (Cấp có thẩm quyền) xem xét, phê duyệt Phương án tổ chức giao thông (tên đường cao tốc) với các nội dung nêu trên./.

ĐẠI DIỆN NHÀ ĐẦU TƯ/CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

(1) Cấp có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

25. Ban hành khung giá thu dịch vụ sử dụng phà

- Trình tự thực hiện:

+ Đối với bến phà được đầu tư xây dựng mới, trước khi đưa vào khai thác 03 tháng, Cục Đường bộ Việt Nam phải xây dựng định mức phương tiện, định mức kinh tế - kỹ thuật, khung giá thu dịch vụ sử dụng phà trình Bộ Giao thông vận tải ban hành làm cơ sở thực hiện.

+ Trong vòng 06 tháng kể từ ngày tiếp nhận bến phà địa phương chuyển về Bộ Giao thông vận tải quản lý theo quyết định của Bộ Tài chính, Cục Đường bộ Việt Nam phải xây dựng định mức phương tiện, định mức kinh tế - kỹ thuật, khung giá thu dịch vụ sử dụng phà trình Bộ Giao thông vận tải ban hành làm cơ sở thực hiện.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ: Không quy định.

+ Số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục ĐBVN.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Khung giá thu dịch vụ sử dụng phà.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Thông tư số 31/2020/TT-BGTVT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định khung giá dịch vụ sử dụng phà thuộc tuyến quốc lộ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, do Trung ương quản lý;

+ Thông tư số 37/2022/TT-BGTVT ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2020/TT-BGTVT ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định khung giá dịch vụ sử dụng phà thuộc tuyến quốc lộ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, do Trung ương quản lý.

26. Lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng ngân sách trung ương

- Trình tự thực hiện:

+ Căn cứ vào tình trạng công trình đường bộ, các thông tin về quy mô và kết cấu công trình, lịch sử sửa chữa bảo trì, các dữ liệu khác về các tuyến đường, công trình đường bộ, các tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và công trình, bộ phận gắn liền với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình bảo trì, định mức, quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư 37/2018/TT-BGTVT, hàng năm, Cục Đường bộ Việt Nam trình Bộ Giao thông vận tải trước ngày 30 tháng 5 nhu cầu quản lý, bảo trì và công việc, danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư năm sau;

+ Trước ngày 30 tháng 6, Bộ Giao thông vận tải chấp thuận nhu cầu quản lý, bảo trì cho năm sau; chấp thuận công việc, danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư thuộc kế hoạch bảo trì năm sau. Nhu cầu quản lý, bảo trì được xác định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và lập theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 37/2018/TT-BGTVT;

+ Căn cứ vào công việc, danh mục dự án ưu tiên, Cục Đường bộ Việt Nam có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật sửa chữa công trình, dự toán các công việc cần thiết khác trước ngày 31 tháng 10;

Trong quá trình lập, thẩm định phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật sửa chữa công trình đường bộ, Tổng cục Đường bộ Việt Nam được điều chỉnh phạm vi (chiều dài, lý trình đoạn đường sửa chữa), giải pháp kỹ thuật, bổ sung các hạng mục an toàn giao thông, nhưng không được vượt kinh phí ghi cho danh mục đã được chấp thuận. Trong trường hợp cần bảo đảm an toàn chịu lực các bộ phận kết cấu công trình cầu, hầm, phà thì được duyệt vượt không quá 20% kinh phí của danh mục sửa chữa kết cấu chịu lực đã chấp thuận;

+ Căn cứ nội dung duyệt và các công việc quản lý, bảo trì cần thiết bổ sung nhưng nằm ngoài danh mục quy định, Cục Đường bộ Việt Nam tổng hợp và trình Bộ Giao thông vận tải kế hoạch bảo trì năm sau trước ngày 10 tháng 11 hàng năm. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày được cấp có thẩm quyền giao hoặc thông báo dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, Bộ Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt kế hoạch bảo trì của năm sau;

+ Điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

Trường hợp cần bổ sung công việc quản lý, bảo trì và vận hành công trình đường bộ ngoài kế hoạch bảo trì đã phê duyệt, Tổng cục Đường bộ Việt Nam trình Bộ Giao thông vận tải chấp thuận chuẩn bị đầu tư và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì để tổ chức thực hiện.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- + Thành phần hồ sơ: Không quy định.
- + Số lượng hồ sơ: Không quy định.
- Thời hạn giải quyết: Không quy định.
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục ĐBVN.
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:
 - + Phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng ngân sách trung ương;
 - + Chấp thuận chuẩn bị đầu tư và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì.
 - Phí, lệ phí (nếu có): Không có
 - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.
 - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.
 - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
 - + Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ;
 - + Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ.

27. Thẩm định, phê duyệt Hồ sơ hoàn thành công trình khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1

- Trình tự thực hiện:

+ Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thi công trên hiện trường, Khu Quản lý đường bộ đối với quốc lộ được giao quản lý có trách nhiệm trình hồ sơ đến Cục Đường bộ VN để thẩm định, phê duyệt.

+ Thời gian thẩm định hồ sơ và thông báo kết quả là 30 ngày, kể từ ngày Cục ĐBVN nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Tờ trình của Cơ quan lập Hồ sơ;

+ Thuyết minh phương án khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông;

+ Các quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai, Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp, công điện (nếu có), lệnh điều động, văn bản chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc khắc phục hậu quả thiên tai đối với thiệt hại, hư hỏng trong Hồ sơ;

+ Báo cáo ban đầu của Cơ quan lập Hồ sơ, cơ quan, đơn vị khác có liên quan về tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra, kèm theo ảnh chụp;

+ Bản vẽ hoàn công; Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng giữa chủ đầu tư, nhà thầu và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, kèm theo bản kê chi tiết;

+ Dự toán kinh phí cho công trình khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 đã thực hiện, kèm các bản thuyết minh tính toán chi tiết;

+ Biên bản xác minh thiệt hại lập tại hiện trường với Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi xảy ra thiệt hại;

+ Các bản vẽ kỹ thuật thi công thể hiện khối lượng, kết cấu công trình tạm (áp dụng đối với trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 13 Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11/01/2019);

+ Nhật ký thi công xây dựng công trình và các hình ảnh ghi nhận quá trình thi công xây dựng công trình, bảng chấm công trực điều tiết, phân luồng bảo đảm giao thông.

+ Số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết: 30 ngày, kể từ ngày Cục ĐBVN nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Khu Quản lý đường bộ.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục ĐBVN.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phê duyệt Hồ sơ hoàn thành công trình khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11/01/2019 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ;

+ Thông tư số 43/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ.

28. Quyết định áp dụng phương thức đấu thầu, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công vận hành khai thác bến phà đường bộ

- Trình tự thực hiện: Giám đốc Khu QLDB, Thủ trưởng các cơ quan được giao quản lý, bảo trì quốc lộ có trách nhiệm Xây dựng phương án đặt hàng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình Cục ĐBVN phê duyệt.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ: Không quy định.

+ Số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Giám đốc Khu QLDB, Thủ trưởng các cơ quan được giao quản lý, bảo trì quốc lộ.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục ĐBVN.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định áp dụng phương thức đấu thầu, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công vận hành khai thác bến phà đường bộ.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 40/2020/TT-BGTVT ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định đấu thầu, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công vận hành khai thác bến phà đường bộ do Bộ Giao thông vận tải quản lý sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách trung ương.

VII. Lĩnh vực khác

29. Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp tại Bộ Giao thông vận tải

- Trình tự thực hiện:

+ Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 của Thông tư 07/2021/TT-BGTVT, lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp gửi Vụ Tổ chức cán bộ.

+ Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế xem xét hồ sơ, lựa chọn và trình Bộ trưởng quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối không bổ nhiệm, Vụ Tổ chức cán bộ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho cơ quan, đơn vị đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ: Hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Luật Giám định tư pháp năm 2012 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp năm 2020).

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ GTVT.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT (Vụ TCCB, Vụ Pháp chế).

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp.

.- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Giám định tư pháp năm 2012 và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật Giám định tư pháp năm 2012 được xem xét bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực giao thông vận tải.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 07/2021/TT-BGTVT ngày 08/4/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực giao thông vận tải.

C. Thủ tục hành chính trọng tâm ưu tiên theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg

1. Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia và tài sản hình thành từ dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư

- Trình tự thực hiện:

+ Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Nghị định số 33/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (đối với tài sản hiện có), hoặc 60 ngày kể từ ngày tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm hoàn thành, đưa vào sử dụng (đối với tài sản hình thành sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành), Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo cơ quan được giao quản lý tài sản chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức đang quản lý, sử dụng tài sản hoàn thành việc rà soát, phân loại, xác định giá trị tài sản và lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao quản lý tài sản báo cáo Bộ GTVT. Kinh phí tổ chức, thực hiện việc rà soát, phân loại tài sản được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

+ Đối với tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ GTVT có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định gửi lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan về phương án giao quản lý tài sản.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Bộ Giao thông vận tải, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ về phương án giao quản lý tài sản;

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Bộ trưởng Bộ GTVT có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định và ý kiến của các cơ quan có liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phương án giao quản lý tài sản.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

+ Biên bản rà soát, phân loại tài sản hoặc hồ sơ tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng: 01 bản chính;

+ Danh mục tài sản đề nghị giao quản lý (tên tài sản; số lượng; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán): 01 bản chính;

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ GTVT.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia và tài sản hình thành từ dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

- Trình tự thực hiện:

+ Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 33/2019/NĐ-CP báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp;

+ Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 33/2019/NĐ-CP gửi lấy ý kiến của cơ quan có liên quan theo quy định về Đề án khai thác tài sản đối với tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt Đề án khai thác của Thủ tướng Chính phủ.

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ về Đề án khai thác tài sản.

+ Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 33/2019/NĐ-CP và ý kiến của cơ quan có liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản hoặc có văn bản chỉ đạo trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản: 01 bản chính;

+ Đề án khai thác tài sản theo mẫu: 01 bản chính;

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao

+ Số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết:

+ Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với Đề án khai thác tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ GTVT, Chủ tịch UBND cấp tỉnh;

+ Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với Đề án khai thác tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao quản lý tài sản.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ GTVT, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Thủ tướng Chính phủ
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản
- Phí, lệ phí (nếu có): không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề án khai thác tài sản.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trực tiếp tổ chức khai thác tài sản trong các trường hợp sau:
 - + Tài sản có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia;
 - + Áp dụng phương thức trực tiếp khai thác hiệu quả hơn phương thức quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định số 33/2019/NĐ-CP;
 - + Không có tổ chức đăng ký thực hiện phương thức quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định số 33/2019/NĐ-CP
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Mẫu:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI/
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...
TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC
GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /....-ĐA

....., ngày ... tháng ... năm

ĐỀ ÁN

Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

Phương thức khai thác:.....(1)

I. CƠ SỞ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Nghị định số /2019/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Các văn bản khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản.

2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan được giao quản lý tài sản.

2.3 Kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản trong 3 năm gần nhất và kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1.1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ:

- a) Tổng quan tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- b) Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1.2. Thực trạng khai thác tài sản: Mô tả thực trạng việc khai thác tài sản và nguồn thu từ việc khai thác tài sản theo từng phương thức: trực tiếp tổ chức khai thác, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản và hình thức khai thác khác (nếu có).

2. Đề xuất phương án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (2)

2.1. Phương án khai thác tài sản

- a) Danh mục tài sản đề nghị khai thác: tên tài sản, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, tình trạng tài sản; phương thức khai thác (trực tiếp tổ chức khai thác/cho thuê quyền khai thác tài sản/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác); thời hạn khai thác tài sản;

Đối với phương án khai thác tài sản theo phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản thì dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng tài sản hiện có được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

b) Sự cần thiết, sự phù hợp của Đề án khai thác với chức năng, nhiệm vụ được giao, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành đường bộ và pháp luật có liên quan.

2.2. Đánh giá sơ bộ hiệu quả của phương án khai thác

a) Dự kiến kết quả khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ: nguồn thu, chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản (trong đó làm rõ căn cứ và phương pháp xác định nguồn thu, chi phí; căn cứ và phương pháp xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản);

b) Dự kiến số tiền nộp ngân sách nhà nước;

c) Dự kiến số tiền được ưu tiên bố trí vốn từ số tiền đã nộp ngân sách nhà nước (từ khai thác tài sản) trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC
 GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Mỗi Đề án được lập cho 01 phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quy định tại Nghị định số .../2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ.
- (2) Nội dung báo cáo giải trình cho phương thức đề xuất khai thác.

3. Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

- Trình tự thực hiện:

+ Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản quy định tại khoản 4 Điều 13 của Nghị định số 33/2019/NĐ-CP báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định gửi lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan theo quy định về Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về các nội dung: Tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; sự cần thiết, phù hợp của Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành giao thông đường bộ và pháp luật có liên quan; sự phù hợp về cơ sở và phương pháp xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản; các nội dung trong Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản cần phải sửa đổi, bổ sung;

+ Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan được giao quản lý tài sản hoàn thành việc tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Đề án hoặc có văn bản chỉ đạo trong trường hợp Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản chưa phù hợp;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều 13 của Nghị định số 33/2019/NĐ-CP và ý kiến của các cơ quan có liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt theo thẩm quyền.

- Cách thức thực hiện: không quy định

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản: 01 bản chính;

+ Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản theo mẫu: 01 bản chính;

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: trong vòng 60 ngày.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao quản lý tài sản.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ GTVT, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Thủ tướng Chính phủ.
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt,
 - Phí, lệ phí (nếu có): không có
 - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản.
 - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được áp dụng đối với tài sản hạ tầng đường bộ đã được đầu tư xây dựng gồm:
 - + Bến xe, bãi đỗ xe, nhà hạt quản lý đường bộ, trạm dừng nghỉ;
 - + Các công trình hạ tầng kỹ thuật là đường dây, cáp, đường ống và các công trình khác lắp đặt vào đường bộ và hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật.
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Mẫu:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI/
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...
TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC
GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...-ĐA

....., ngày ... tháng ... năm

ĐỀ ÁN

Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

Phương thức khai thác:.....(1)

I. CƠ SỞ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Nghị định số /2019/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Các văn bản khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản.

2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan được giao quản lý tài sản.

2.3 Kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản trong 3 năm gần nhất và kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1.1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ:

a) Tổng quan tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

b) Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1.2. Thực trạng khai thác tài sản: Mô tả thực trạng việc khai thác tài sản và nguồn thu từ việc khai thác tài sản theo từng phương thức: trực tiếp tổ chức khai thác, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản và hình thức khai thác khác (nếu có).

2. Đề xuất phương án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (2)

2.1. Phương án khai thác tài sản

a) Danh mục tài sản đề nghị khai thác: tên tài sản, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, tình trạng tài sản; phương thức khai thác (trực tiếp tổ chức khai thác/cho thuê quyền khai thác tài sản/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác); thời hạn khai thác tài sản;

Đối với phương án khai thác tài sản theo phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản thì dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng tài sản hiện có được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

b) Sự cần thiết, sự phù hợp của Đề án khai thác với chức năng, nhiệm vụ được giao, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành đường bộ và pháp luật có liên quan.

2.2. Đánh giá sơ bộ hiệu quả của phương án khai thác

a) Dự kiến kết quả khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ: nguồn thu, chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản (trong đó làm rõ căn cứ và phương pháp xác định nguồn thu, chi phí; căn cứ và phương pháp xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản);

b) Dự kiến số tiền nộp ngân sách nhà nước;

c) Dự kiến số tiền được ưu tiên bố trí vốn từ số tiền đã nộp ngân sách nhà nước (từ khai thác tài sản) trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC
 GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Mỗi Đề án được lập cho 01 phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quy định tại Nghị định số .../2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ.

(2) Nội dung báo cáo giải trình cho phương thức đề xuất khai thác.

4. Phê duyệt Đề án Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

- Trình tự thực hiện:

+ Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản quy định báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định gửi lấy ý kiến của Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan theo quy định về Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về các nội dung: Tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; sự cần thiết, phù hợp của Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành giao thông đường bộ và pháp luật có liên quan; sự phù hợp về cơ sở và phương pháp xác định giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; các nội dung trong Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản cần phải sửa đổi, bổ sung;

+ Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan được giao quản lý tài sản hoàn thành việc tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Đề án hoặc có văn bản chỉ đạo trong trường hợp Đề án chuyển nhượng quyền khai thác tài sản chưa phù hợp;

+ Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định và ý kiến của cơ quan có liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt theo thẩm quyền;

+ Căn cứ Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức đấu giá để lựa chọn doanh nghiệp nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài sản theo quy định và ký Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản: 01 bản chính;

+ Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo mẫu: 01 bản chính;

- + Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.
- + Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
- Thời hạn giải quyết.
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao quản lý tài sản.
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thủ tướng Chính phủ.
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phê duyệt Đề án Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
- Phí, lệ phí (nếu có): Không có
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Mẫu:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI/
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...

TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC
GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /....-ĐA

....., ngày ... tháng ... năm

ĐỀ ÁN

Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

Phương thức khai thác:.....(1)

I. CƠ SỞ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Nghị định số /2019/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Các văn bản khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Cơ sở thực tiễn

- 2.1. Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản.
- 2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan được giao quản lý tài sản.
- 2.3 Kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản trong 3 năm gần nhất và kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1.1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ:

- a) Tổng quan tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- b) Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1.2. Thực trạng khai thác tài sản: Mô tả thực trạng việc khai thác tài sản và nguồn thu từ việc khai thác tài sản theo từng phương thức: trực tiếp tổ chức khai thác, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản và hình thức khai thác khác (nếu có).

2. Đề xuất phương án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (2)

2.1. Phương án khai thác tài sản

a) Danh mục tài sản đề nghị khai thác: tên tài sản, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, tình trạng tài sản; phương thức khai thác (trực tiếp tổ chức khai thác/cho thuê quyền khai thác tài sản/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác); thời hạn khai thác tài sản;

Đối với phương án khai thác tài sản theo phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản thì dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng tài sản hiện có được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

b) Sự cần thiết, sự phù hợp của Đề án khai thác với chức năng, nhiệm vụ được giao, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành đường bộ và pháp luật có liên quan.

2.2. Đánh giá sơ bộ hiệu quả của phương án khai thác

a) Dự kiến kết quả khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ: nguồn thu, chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản (trong đó làm rõ căn cứ và phương pháp xác định nguồn thu, chi phí; căn cứ và phương pháp xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản);

b) Dự kiến số tiền nộp ngân sách nhà nước;

c) Dự kiến số tiền được ưu tiên bố trí vốn từ số tiền đã nộp ngân sách nhà nước (từ khai thác tài sản) trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC
 GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Mỗi Đề án được lập cho 01 phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quy định tại Nghị định số .../2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ.

(2) Nội dung báo cáo giải trình cho phương thức đề xuất khai thác.

5. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp tự nguyện trả lại tài sản

- Trình tự thực hiện:

+ Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 33/2019/NĐ-CP báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 33/2019/NĐ-CP xem xét, quyết định thu hồi tài sản;

+ Sau khi có Quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao thực hiện quyết định thu hồi tổ chức việc tiếp nhận tài sản; lập phương án xử lý tài sản thu hồi theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 33/2019/NĐ-CP; tổ chức thực hiện xử lý tài sản theo phương án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian chờ xử lý.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

+ Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo mẫu: 01 bản chính;

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao quản lý tài sản.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ GTVT, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Thủ tướng Chính phủ.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ gồm những nội dung chủ yếu sau: Tên cơ quan được giao quản lý tài sản có tài sản thu hồi; tên cơ quan được giao thực hiện quyết định thu hồi; danh mục tài sản thu hồi (tên tài sản; số lượng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán); lý do thu hồi; trách nhiệm tổ chức thực hiện

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị thu hồi.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Tài sản kết cấu hạ tầng GTĐB bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

+ Khi có sự thay đổi về quy hoạch, phân cấp quản lý;

+ Tài sản được giao không đúng đối tượng, sử dụng sai mục đích; cho mượn tài sản;

+ Bán, cho thuê, tặng cho, thế chấp, góp vốn, liên doanh, liên kết không đúng quy định;

+ Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả;

+ Trường hợp khác theo quy định của pháp luật

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Mẫu:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI/ỦY BAN NHÂN DÂN...
TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ

Hình thức xử lý: Thanh lý/ Điều chuyển/...

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích (m ²)		Nguyên giá (nghìn đồng)	Giá trị còn lại (nghìn đồng)	Tình trạng tài sản	Hình thức xử lý (thanh lý/ điều chuyển)	Ghi chú
						Diện tích đất	Sàn sử dụng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
TỔNG CỘNG												
I	Tuyến đường bộ A											
1	Đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường											
2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ gắn liền với cầu đường bộ											
	...											
II	Tuyến đường bộ B											

Ghi chú:

- Diện tích đất kê khai tại cột số 7 (không áp dụng đối với tài sản là đường) là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng nhà kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại tại cột 9, cột 10 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
- Tình trạng tài sản tại cột 11 ghi: đang sử dụng, hỏng không sử dụng.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

6. Bán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

- Trình tự thực hiện:

+ Khi có tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cần bán, cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị bán tài sản quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 33/2019/NĐ-CP báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định bán tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị bán tài sản chưa phù hợp;

Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi lấy ý kiến của cơ quan có liên quan theo quy định để báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 21 Nghị định số 33/2019/NĐ-CP xem xét, quyết định hoặc có văn bản chỉ đạo trong trường hợp đề nghị bán tài sản chưa phù hợp;

+ Căn cứ Quyết định bán tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc xác định giá khởi điểm để đấu giá, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và tổ chức bán tài sản theo quy định;

+ Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng mua bán tài sản, người mua có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản cho cơ quan được giao quản lý tài sản theo Hợp đồng. Cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tiền bán tài sản.

Trường hợp quá thời hạn quy định tại điểm này mà người mua chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số tiền theo hợp đồng đã ký kết thì phải nộp tiền chậm nộp; mức tiền chậm nộp áp dụng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Cơ quan được giao quản lý tài sản có văn bản đề nghị kèm theo bản sao Hợp đồng mua bán tài sản và chứng từ về việc nộp tiền của người trúng đấu giá (nếu có) gửi Cục thuế (nơi có tài sản) để xác định và ra Thông báo về số tiền phạt chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Thời hạn nộp tiền cụ thể và quy định việc phạt chậm nộp phải được ghi rõ tại Quy chế bán đấu giá, Hợp đồng mua bán tài sản;

+ Cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm xuất hóa đơn bán tài sản công cho người mua theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Việc giao tài sản cho người mua được thực hiện tại nơi có tài sản sau khi người mua đã hoàn thành việc thanh toán;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc bán đấu giá tài sản, cơ quan được giao quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản và báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 33/2019/NĐ-CP

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:
 - + Văn bản đề nghị bán tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;
 - + Danh mục tài sản đề nghị bán theo mẫu: 01 bản chính;
 - + Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.
 - + Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
 - Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.
 - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao quản lý tài sản.
 - Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ GTVT, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Thủ tướng Chính phủ.
 - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bán tài sản gồm những nội dung chủ yếu sau: Tên cơ quan được giao quản lý tài sản có tài sản bán; danh mục tài sản được bán (tên tài sản; số lượng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán); phương thức bán tài sản; quản lý, sử dụng tiền thu được từ bán tài sản; trách nhiệm, thời hạn tổ chức thực hiện.
 - Phí, lệ phí (nếu có): Không có.
 - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị bán.
 - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):
- Việc bán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được áp dụng trong các trường hợp sau:
- + Tài sản bị thu hồi theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 33/2019/NĐ-CP nhưng không còn nhu cầu sử dụng;
 - + Tài sản được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng và việc khai thác không hiệu quả;
 - + Chuyển mục đích sử dụng đất gắn với chuyển đổi công năng sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy hoạch được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;
 - + Trường hợp khác theo quy định của pháp luật
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Mẫu:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI/ỦY BAN NHÂN DÂN...
TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ

Hình thức xử lý: Thanh lý/ Điều chuyển/...

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích (m ²)		Nguyên giá (nghìn đồng)	Giá trị còn lại (nghìn đồng)	Tình trạng tài sản	Hình thức xử lý (thanh lý/ điều chuyển)	Ghi chú
						Diện tích đất	Sàn sử dụng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG											
I	Tuyến đường bộ A											
1	Đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường											
2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ gắn liền với cầu đường bộ											
	...											
II	Tuyến đường bộ B											

Ghi chú:

- Diện tích đất kê khai tại cột số 7 (không áp dụng đối với tài sản là đường) là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng nhà kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại tại cột 9, cột 10 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
- Tình trạng tài sản tại cột 11 ghi: đang sử dụng, hỏng không sử dụng.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

7. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

- Trình tự thực hiện:

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại quy định tại khoản 3 Điều này, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại;

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ: Hồ sơ đề nghị xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ gồm:

+ Văn bản đề nghị xử lý tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

+ Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại;

+ Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại tài sản theo mẫu: 01 bản chính;

+ Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản sao.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao quản lý tài sản.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quy định tại khoản 1 Điều này thuộc phạm vi quản lý.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định xử lý tài sản gồm những nội dung chủ yếu sau: Tên cơ quan được giao quản lý tài sản có tài sản bị mất, bị hủy hoại; danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại được ghi giảm tài sản (tên tài sản; số lượng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán); lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

- Phí, lệ phí (nếu có): không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại tài sản.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ bị mất, bị hủy hoại trong trường hợp do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Mẫu:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI/ỦY BAN NHÂN DÂN...
TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ

Hình thức xử lý: Thanh lý/ Điều chuyển/...

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích (m ²)		Nguyên giá (nghìn đồng)	Giá trị còn lại (nghìn đồng)	Tình trạng tài sản	Hình thức xử lý (thanh lý/ điều chuyển)	Ghi chú
						Diện tích đất	Sàn sử dụng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG											
I	Tuyến đường bộ A											
1	Đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường											
2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ gắn liền với cầu đường bộ											
	...											
II	Tuyến đường bộ B											

Ghi chú:

- Diện tích đất kê khai tại cột số 7 (không áp dụng đối với tài sản là đường) là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng nhà kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại tại cột 9, cột 10 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
- Tình trạng tài sản tại cột 11 ghi: đang sử dụng, hỏng không sử dụng.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

8. Quyết định phân loại và điều chỉnh các hệ thống đường bộ: quốc lộ; đường tỉnh, đường đô thị; đường huyện, đường xã; đường chuyên dùng

- Trình tự thực hiện:

Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch mạng lưới đường bộ; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện quy hoạch, rà soát, điều chỉnh quy hoạch theo quy định và công bố quy hoạch theo quy định.

- Cách thức thực hiện:

+ Trực tiếp

+ Trực tuyến

+ Qua dịch vụ bưu chính

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền về việc điều chỉnh đường địa phương thành quốc lộ hoặc quốc lộ thành đường địa phương phù hợp quy định của Luật Giao thông đường bộ năm 2008, Quy hoạch mạng lưới đường bộ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: Số lượng 01 bản chính.

+ Hồ sơ tình trạng đường được đề nghị điều chỉnh: Hướng tuyến, điểm đầu, điểm cuối, chiều dài, cấp đường, bề rộng nền mặt đường, loại kết cấu mặt đường và các công trình chính trên tuyến: Số lượng 1 bản chính.

+ Số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính không quá 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+ Bộ Giao thông vận tải.

+ Cục Đường bộ Việt Nam – Bộ Giao thông vận tải.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan có liên quan đề nghị điều chỉnh quốc lộ.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chỉnh hệ thống đường địa phương thành hệ thống quốc lộ hoặc điều chỉnh hệ thống quốc lộ thành hệ thống đường địa phương.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
 - + Luật Giao thông đường bộ năm 2008.
 - + Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
 - + Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

9. Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc trung ương quản lý không thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ

- Trình tự thực hiện:

+ Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Nghị định 33/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (đối với tài sản hiện có), hoặc 60 ngày kể từ ngày tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm hoàn thành, đưa vào sử dụng (đối với tài sản hình thành sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành), Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo cơ quan được giao quản lý tài sản chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức đang quản lý, sử dụng tài sản hoàn thành việc rà soát, phân loại, xác định giá trị tài sản và lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao quản lý tài sản theo quy định báo cáo Bộ Giao thông vận tải.

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền;

- Cách thức thực hiện: không quy định

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

+ Biên bản rà soát, phân loại tài sản hoặc hồ sơ tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng: 01 bản chính;

+ Danh mục tài sản đề nghị giao quản lý (tên tài sản; số lượng; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán): 01 bản chính;

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

+ Số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao quản lý tài sản.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ GTVT.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao quản lý tài sản

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

10. Thanh lý tài sản Kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

- Trình tự thực hiện:

+ Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh lý quy định tại khoản 4 Điều này báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 33/2019/NĐ-CP xem xét, quyết định;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 33/2019/NĐ-CP xem xét, quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp. Trường hợp vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản được xử lý theo hình thức điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị ngoài Bộ Giao thông vận tải đối với tài sản thuộc trung ương quản lý, ngoài Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với tài sản thuộc địa phương quản lý, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị, gửi Bộ Tài chính xem xét, quyết định theo thẩm quyền;

+ Căn cứ Quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ tài sản và xử lý vật liệu, vật tư thu hồi theo quy định. Việc bán vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

+ Sau khi hoàn thành việc thanh lý tài sản, cơ quan được giao quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 33/2019/NĐ-CP và pháp luật có liên quan

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị thanh lý tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

+ Danh mục tài sản thanh lý theo mẫu: 01 bản chính;

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao quản lý tài sản.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ GTVT, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, gồm những nội dung chủ yếu sau đây: Tên cơ quan được giao

quản lý tài sản có tài sản thanh lý; danh mục tài sản thanh lý (tên tài sản, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, lý do thanh lý); hình thức thanh lý; hình thức xử lý vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có); quản lý, sử dụng số tiền thu được từ thanh lý; trách nhiệm tổ chức thực hiện;

- Phí, lệ phí (nếu có): không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản thanh lý.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được thanh lý trong các trường hợp sau:

+ Tài sản bị hư hỏng không thể sử dụng hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả;

+ Phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cũ để đầu tư xây dựng tài sản mới theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

+ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch làm cho một phần hoặc toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ không sử dụng được theo công năng của tài sản;

+ Trường hợp khác theo quy định của pháp luật

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Mẫu:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI/ỦY BAN NHÂN DÂN...
TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ

Hình thức xử lý: Thanh lý/ Điều chuyển/...

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích (m ²)		Nguyên giá (nghìn đồng)	Giá trị còn lại (nghìn đồng)	Tình trạng tài sản	Hình thức xử lý (thanh lý/ điều chuyển)	Ghi chú
						Diện tích đất	Sàn sử dụng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
TỔNG CỘNG												
I	Tuyến đường bộ A											
1	Đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường											
2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ gắn liền với cầu đường bộ											
	...											
II	Tuyến đường bộ B											

Ghi chú:

- Diện tích đất kê khai tại cột số 7 (không áp dụng đối với tài sản là đường) là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng nhà kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại tại cột 9, cột 10 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
- Tình trạng tài sản tại cột 11 ghi: đang sử dụng, hỏng không sử dụng.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO
QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

11. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

- Trình tự thực hiện:

+ Khi có tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cần điều chuyển, cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 33/2019/NĐ-CP báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp;

+ Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi lấy ý kiến của cơ quan có liên quan theo quy định để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định số 33/2019/NĐ-CP xem xét, quyết định điều chuyển tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan có tài sản điều chuyển và cơ quan, doanh nghiệp tiếp nhận tài sản có trách nhiệm: Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 33/2019/NĐ-CP; thực hiện kê toán giảm, tăng tài sản theo chế độ kê toán hiện hành; thực hiện đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật (nếu có); báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 33/2019/NĐ-CP.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị điều chuyển tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

+ Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, doanh nghiệp: 01 bản chính; trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về phân cấp quản lý, quy hoạch thì không cần thiết có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản;

+ Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo mẫu: 01 bản chính;

+ Hồ sơ liên quan đến chuyển đổi công năng sử dụng tài sản (trong trường hợp việc điều chuyển gắn với việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản): 01 bản sao.

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao quản lý tài sản.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ GTVT, Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản gồm những nội dung chủ yếu sau: Tên cơ quan được giao quản lý tài sản có tài sản điều chuyển; tên cơ quan, doanh nghiệp tiếp nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản; số lượng; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; mục đích sử dụng hiện tại và mục đích sử dụng dự kiến sau khi điều chuyển trong trường hợp việc điều chuyển gắn với việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản); lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Việc điều chuyển tài sản KCHTGTĐB được áp dụng trong các trường hợp sau:

+ Khi có sự thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, quy hoạch, phân loại tài sản;

+ Tài sản được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả;

+ Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI/ỦY BAN NHÂN DÂN...
TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỀ NGHỊ XỬ
LÝ

Hình thức xử lý: Thanh lý/ Điều chuyển/...

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích (m ²)		Nguyên giá (nghìn đồng)	Giá trị còn lại (nghìn đồng)	Tình trạng tài sản	Hình thức xử lý (thanh lý/ điều chuyển)	Ghi chú
						Diện tích đất	Sàn sử dụng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG											
I	Tuyến đường bộ A											
1	Đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường											
2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ gắn liền với cầu đường bộ											
	...											
II	Tuyến đường bộ B											

Ghi chú:

- Diện tích đất kê khai tại cột số 7 (không áp dụng đối với tài sản là đường) là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng nhà kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại tại cột 9, cột 10 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
- Tình trạng tài sản tại cột 11 ghi: đang sử dụng, hỏng không sử dụng.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO
QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

12. Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc địa phương quản lý không thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ

- Trình tự thực hiện:

+ Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Nghị định 33/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (đối với tài sản hiện có), hoặc 60 ngày kể từ ngày tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm hoàn thành, đưa vào sử dụng (đối với tài sản hình thành sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan được giao quản lý tài sản chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức đang quản lý, sử dụng tài sản hoàn thành việc rà soát, phân loại, xác định giá trị tài sản và lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao quản lý tài sản báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Kinh phí tổ chức, thực hiện việc rà soát, phân loại tài sản được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền;

+ Nội dung chủ yếu của Quyết định giao quản lý tài sản gồm: Tên cơ quan được giao quản lý tài sản; danh mục tài sản giao quản lý (tên tài sản; số lượng; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán); trách nhiệm tổ chức thực hiện.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

+ Biên bản rà soát, phân loại tài sản hoặc hồ sơ tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng: 01 bản chính;

+ Danh mục tài sản đề nghị giao quản lý (tên tài sản; số lượng; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán): 01 bản chính;

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao quản lý tài sản.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc địa phương quản lý không thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.